

57- NIỆM PHẬT DIỆT TỘI

Khi Đức Phật đã chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, thì có rất nhiều người đi theo Ngài xuất gia học đạo. Dưới sự hướng dẫn chỉ đạo của Thế Tôn, có rất nhiều người đã chứng quả A La Hán, thoát được sự đau khổ của sinh tử. Các vị này có thể tự do tự tại đi lại khắp mọi nơi trong mười phương không một chút chướng ngại.

Trong số các vị đã chứng quả A La Hán ấy có một vị phát nguyện cứu độ tất cả những người đã có nhân duyên với ngài trong những kiếp trước hay trong kiếp này. Dầu cho họ có đầu thai làm người hay làm súc sinh, ngài cũng tìm đủ mọi cách và vận dụng đủ mọi thần thông để cứu họ giải thoát.

Sau một vài tháng như thế, ngài đã độ hóa được vô số, vô số người, tất cả đều quy y Phật và đều trở thành những Phật tử thuần thành.

Duy chỉ có một người hãy còn ở dưới địa ngục là ngài chưa tìm ra cách nào để cứu được, đó chính là mẹ của ngài ở kiếp này. Lúc còn sống, mẹ ngài không kính trọng người lớn tuổi, hủy báng Tam Bảo, nên chết rồi phải đọa xuống địa ngục, chịu những cái khổ khủng khiếp như bơi trong biển lửa, trèo lên núi đao. Nghiệp chướng của bà quá nặng nề nên tuy có con trai đắc quả A La Hán rồi mà cũng không cứu bà ra khỏi địa ngục được.

Thế nhưng người con hiếu thảo vẫn tha thiết muốn cứu mẹ, tự biết lực của chính mình không đủ, bây giờ phải nhờ đến tha lực.

Vị A La Hán thấy vua của một vương quốc bé nhỏ nọ, tuy còn trẻ tuổi nhưng bản tính hung bạo, đã từng tạo tội giết cha để chiếm ngôi. Cái tội giết cha và thí vua nhất định sẽ chiêu cảm quả báo khổ đau cùng cực.

Vị A La Hán dùng thần thông quán thấy vị hôn quân ngỗ nghịch vô đạo này mệnh sống chỉ còn có 7 ngày, chết rồi sẽ đọa ngay xuống đúng cái địa ngục mà mẹ ngài đang ở để cùng chịu chung cảnh khổ của địa ngục ấy.

Vì muốn cứu mẹ và đồng thời cứu luôn ông vua lẫn tất cả những người đang chịu khổ trong địa ngục, vị A La Hán bèn đến trước mặt vua, hiện thân thông, nửa thân người treo lơ lửng trên hư không.

Ông vua thấy thế hoảng sợ vội rút kiếm ra tính sát hại ngài, nhưng lưỡi kiếm chưa chạm đến thân ngài thì vượt khỏi bàn tay vua rơi xuống đất. Ông vua lấy làm lạ, vừa định mở miệng ra hỏi thì nửa phần thân người đang treo lơ lửng trên hư không bỗng nói trước:

- Có phải cái ngai báu mà bệ hạ đang ngồi đó, là do bệ hạ chiếm đoạt không? Bệ hạ giết vua cha để soán ngai, bệ hạ có biết tội ấy nặng như núi không? Nếu bệ hạ không mau mau hối lỗi, trong nội bảy ngày bệ hạ sẽ chết và đọa xuống địa ngục. Hôm nay tôi đặc biệt đến đây để báo cho bệ hạ biết trước mà sớm sám hối, may ra mới thoát khổ sau này.

Nhà vua nghe thế trong lòng vừa xấu hổ vừa sợ hãi. Nghe rằng cái chết đang kề cận ngay trước mắt, chỉ trong vòng 7 ngày nữa là thọ mệnh chấm dứt rồi sau đó sẽ rơi xuống địa ngục chịu khổ, ông chợt biết những việc ông làm là tội lỗi. Nhà vua khóc lóc thảm thiết, van cầu ngài A La Hán ra tay cứu độ.

Vị A La Hán thương xót sự ngu muội của ông, nói rằng:

- Bây giờ thọ mệnh của bệ hạ chỉ còn có 7 ngày, dẫu có muốn tạo công đức cũng không kịp nữa. Tôi cho bệ hạ biết, nếu trong 7 ngày tới mà bệ hạ có thể xả bỏ tất cả mọi thứ, một lòng thành tâm niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" thì có thể nương dựa vào lực đại từ đại bi của Phật A Di Đà mà được độ thoát.

Nghe lời dạy bảo của vị A La Hán, nhà vua nhất tâm nhất ý niệm thánh hiệu Phật A Di Đà.

Quả nhiên 7 ngày sau ông tắt thở, nhưng tâm trí vẫn hết sức tỉnh táo sáng suốt. Ông biết mình đã rơi xuống địa ngục, nhưng nhờ trong vòng 7 ngày liền ông đã niệm danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mức nhất tâm, nên đến tới cửa địa ngục rồi mà cũng không chút sợ hãi, ông cứ thế tiếp tục niệm danh hiệu Phật.

Khi danh hiệu Phật vừa từ cửa miệng ông xướng lên, thì địa ngục bỗng nhiên mát mẻ, các dụng cụ tra tấn bày hai bên bỗng không cánh mà bay. Lúc ấy tất cả các tội nhân trong

địa ngục đều cùng nhau bắt chước nhà vua niệm Phật. Tâm thành khẩn của mọi người đã giao tiếp được với nguyện lực của Đức A Di Đà, nên nhà vua, mẹ của vị A La Hán cùng hết thảy mọi tội nhân trong ngục đều được giải thoát và siêu sinh.



58- NIỆM PHẬT ĐƯỢC CỨU

Thời xưa, có một người đàn bà hiền đức và tài giỏi, ở đây tạm gọi là bà Hiền Huệ. Nhờ bà thường lắng nghe Phật Pháp, nên hiểu rõ rằng đời sống con người là tạm bợ và đau khổ. Nếu không tu học Phật đạo, nếu không tự cảnh giác để khỏi phạm tội, thì không kể nam hay nữ, tất cả sẽ vĩnh viễn trôi nổi trầm luân trong sáu nẻo không có ngày chấm dứt. Tuy công việc nhà rất bẽ bộn, nhưng đi đứng nằm ngồi bà cũng không quên tinh cần niệm Phật. Ngay cả những người hàng xóm hai bên nhà cũng được bà khuyến khích nên cũng chuyên tâm cùng bà tu học, tất cả đều đắm mình trong danh hiệu của Phật nên sống một đời sống an nhiên vui vẻ.

Chỉ có mỗi một điều đáng tiếc là chính người chồng của bà Hiền Huệ thì không thể khuyến hóa được, có lẽ vì cơ duyên chưa chín mùi chăng? Nhưng lỡ như đó là một người dở tệ đến nỗi không có cách nào tiếp nhận được Phật Pháp thì thật là tiêu đời! Bà Hiền Huệ cứ nghĩ đến đây là lo lắng vô cùng, bà suy đi tính lại mãi mà không tìm ra cách nào cải hóa ông chồng.

Một hôm, bà nhìn thấy những đứa bé con hàng xóm đang đùa nghịch với một cái chuông đồng trước mặt nhà bà, bỗng nhiên bà nhanh trí loé ra trong đầu một phương pháp rất hay.

Trời gần tối, chồng về tới nhà, bà nói với chồng rằng:

- Thiếp nghe nói gần đây thường xảy ra nhiều vụ trộm cướp, phu quân đi làm việc, thiếp ở nhà một mình, trước cửa không có ai canh gác, thật là nguy hiểm cho nên thiếp bắt buộc phải đóng chặt cửa lại. Thiếp muốn mua một cái chuông đồng treo trước cửa, phu quân về tới nhà thì lắc chuông vài tiếng, mỗi lần lắc là niệm một câu "Nam mô A Di Đà Phật" làm ám hiệu, thiếp biết là phu quân đã về sẽ ra mở cửa. Làm như thế vừa có thể phòng ngừa bọn trộm cướp, vừa để cho thiếp an tâm làm việc trong bếp.

Người chồng mỉm cười gập đầu:

- Được! Hiền thê nghĩ cách đó rất hay.

Từ đó về sau, người chồng về nhà bắt buộc phải lắc chuông và niệm vài câu niệm Phật, niệm Phật do đó trở thành một thói quen lúc nào ông không hay biết.

Vì người chồng không nghe chính pháp, nên giống như bao nhiêu người khác, không phân biệt rõ thiện ác, mặc cho hoàn cảnh đưa đẩy mà tạo tác các nghiệp. Vì thế nên khi vô thường đến, ông lâm bệnh lìa đời, không đem theo được gì theo mình trừ nghiệp tội là không rời thân. Một con người ở trong vũng lầy ô trọc của tội ác, thì không cần biết tài giỏi đến đâu, lúc ấy cũng không giở trò gì được.

Người chồng bị đẩy xuống địa ngục lớn, trong đó có vạc dầu sôi, núi dao với những hình phạt độc ác ghê rợn nhất. Bọn ngục tốt hung hăng đưa đinh ba trong tay lên nhắm hướng người tội nhân mới đến mà xông tới, muốn dùng đinh ba xóc ông ném vào vạc dầu sôi. Cái đinh ba này bằng sắt, bên trên có treo rất nhiều khoen sắt chạm vào nhau kêu leng keng, làm cho tội nhân càng thêm run sợ.

Âm thanh của những chiếc khoen sắt hay những dụng cụ tra tấn chạm vào nhau giống như tiếng chuông đồng treo trên cửa nhà vợ chồng bà Hiền Huệ, nên người tội nhân mới đến này, tức là chồng bà Hiền Huệ, không thể không buộc miệng niệm "*Nam mô A Di Đà Phật*".

Lạ thay, địa ngục đen ngòm âm u bỗng nhiên sáng rực, ánh sáng không biết từ đâu chiếu đến. Bọn ngục tốt ngừng mọi khí cụ tra tấn trong tay, ngọn lửa phừng phực cũng dập tắt, nguyên cả địa ngục biến thành một nơi thanh tịnh mát mẻ.

Rất nhiều hồn ma đang chịu hình phạt cũng được nghỉ ngơi. Lúc ấy có sứ giả của địa ngục đến ra lệnh với bọn ngục tốt rằng:

- Đem cái người đó lên cõi người, hẳn có đầy đủ công đức của việc trì niệm danh hiệu Phật.

Địa ngục trở lại cảnh tượng thê thảm trước, nhưng chồng bà Hiền Huệ thì đã sinh lên cõi người rồi.

Công đức của một câu niệm Phật to lớn như thế, hy vọng những người không niệm Phật sẽ mau mau bắt đầu!

59- ÔNG VUA KIỀU MẪU

Cách thành Xá Vệ không xa có một khu vườn hoa, tên là vườn Cấp Cô Độc cây Kỳ. Trong vườn cây cối sum sê, cỏ hoa ngào ngạt hương, có phòng ốc, giảng đường đồ sộ. Đây chính là đạo tràng mà trưởng giả Cấp Cô Độc đã hợp sức với thái tử Kỳ Đà dâng lên Đức Phật, và Thế Tôn thường thuyết pháp tại nơi này.

Cũng tại nơi này, không biết bao nhiêu chúng sinh cõi trời, cõi người đã được độ.

Có một hôm, một luồng ánh sáng cát tường huy hoàng bỗng chiếu thẳng tới thiên cung. Thái tử Bích La tại thiên cung biết ngay đây là điềm báo Đức Phật sắp thuyết pháp nên không dám chần chừ, lập tức cuời luồng từ quang ấy và trong chớp mắt đã đến vườn Cấp Cô Độc cây Kỳ, lễ bái Đức Phật và yên lặng đứng sang một bên chờ đợi.

Pháp hội đã bắt đầu, thái tử Bích La đứng dậy, cung kính chấp tay thưa với Đức Phật rằng:

- Thế Tôn! Từ quang bi nguyện của Như Lai đã làm lợi lạc cho chúng sinh cùng khắp, công đức vĩ đại ấy con tán thán không bao giờ cùng tận! Hôm nay con có một câu hỏi, thỉnh Thế Tôn giải đáp cho con.

Đức Phật đáp:

- Tốt lắm, ông có điều chi cứ hỏi, ta sẵn sàng trả lời cho ông.

Hoàng tử Bích La mừng rỡ bạch rằng:

- Thế Tôn! Làm người trong khắp cả thiên hạ, ai cũng ôm ấp đầy những mong muốn: muốn mình được khoẻ mạnh không ưu sầu, không bệnh hoạn, muốn con cháu đầy nhà, quyền cao chức trọng, lại muốn ăn ngon mặc đẹp... rồi ngồi đó mà chờ những thứ ấy rơi vào tay mình!

Kỳ thật, làm gì có chuyện không làm gì mà được tất cả, một người không chịu làm việc, vĩnh viễn không thu hoạch được gì hết! Cái mà họ gặt hái được trái lại là khổ nhiều vui ít. Thế Tôn! Trong thế giới tam thiên đại thiên rộng lớn vô biên này, có bao nhiêu người đạt được những vui thú hay sự bình an mà họ mong cầu? Phật là bậc đại giác, thỉnh Ngài cho con biết tại sao cuộc đời lại như thế?

Đức Phật khen ngợi mà trả lời rằng:

- Điều ông muốn nói là muốn cầu phúc báo thì có phương pháp để được phúc báo, song nếu cầu không đúng cách thì dĩ nhiên không đạt được gì hết. Ông nên biết, bất kỳ ở cõi trời hay cõi con người, điều tốt hay xấu mà tự mình đã làm nên thì cũng sẽ do tự mình gánh vác lấy. Chờ khi nghiệp báo tới lúc trở quả thì trốn không thoát mà ai thay thế cho cũng không được. Một người tạo nghiệp lành thì sẽ được phúc báo, còn giả như một người làm ác bằng đủ mọi cách, thì sẽ gặt hái toàn là tai họa. Đó là nhân quả, không có ai do may mắn mà được quả phúc, cũng không có ai gặp nguy nàn một cách vô cớ. Họa và phúc như cái bóng theo ta bèn gót, như âm thanh vừa phát ra thì tai ta liền có phản ứng.

- Thưa vâng, Thế Tôn! Con nghĩ tới một câu chuyện xưa, cũng đúng như vậy, trong đời quá khứ, con nhớ lúc còn làm một vị vua trong loài người, vì rõ biết nhờ đã có hành bố thí nên mới được hưởng phước báo, quốc gia của con mới thịnh vượng, nhân dân mới an lạc như thế. Một hôm, con lại nghĩ, đời người vốn ngắn ngủi, nên lợi dụng lúc còn thì giờ mà hành bố thí và làm chút gì lợi ích cho chúng sinh, hầu trồng trọt hạt giống phúc đức cho tương lai của chính mình.

Vì thế nên vào buổi lâm triều sớm, khi quần thần đã tụ tập đầy đủ, con nói với họ rằng:

- Trẫm muốn bố thí sâu rộng trong quần chúng nên cần có một cái trống lớn, mỗi khi gióng trống lên thì tiếng của nó phải vang xa tới một trăm dặm để cho người ở xa có thể nghe thấy mà mau đến nhận bố thí. Ai tạo cho trẫm được một cái trống như thế, trẫm sẽ trọng thưởng.

Quần thần ai nấy đều im lặng suy nghĩ, vì điều con đòi hỏi không giản dị chút nào. Thật lâu sau, bỗng nhiên có một vị quan đứng dậy tâu:

- Để đáp hồng ân của bệ hạ từ bi cứu tế muôn dân, thần xin nguyện cố gắng hết sức mình để đảm nhiệm việc này.

Đó là một vị đại thần tên là Khuông Thượng, mọi người ai cũng kính phục lòng trung tín cũng như tài năng của ông, nên họ đồng thanh tiến cử ông lên cho con. Con cũng vui mừng tán thưởng:

- Thế thì hay quá!

- Tuy nhiên, Khuông Thượng tiến lên tâu rằng, có lẽ sẽ phải cần rất nhiều tiền mới làm nên chuyện.

Con ra lệnh cho mở ngân khố quốc gia, và nói:

- Điều đó không thành vấn đề, khanh cần bao nhiêu cứ tự tiện lấy mà chi dùng.

Khuông Thượng bèn lấy trong kho nào tài sản, lương thực, tất cả những gì cần thiết cho đời sống, rồi cho người lấy xe chở hết ra ngoài cung thành, chia ra từng món phẩm vật khác nhau tử tế, xong lại phái người đi khắp nơi truyền rao và dán cáo thị cho dân chúng biết: "Nhờ hồng ân của hoàng thượng, những ai nghèo khó, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, đều có thể đến đây nhận sự trợ giúp."

Ngoài ra, ông phái sứ giả đức độ tài giỏi đem phẩm vật cần thiết hằng năm cho các vị sa môn và bà la môn, tùy thág, tùy khu tùy thời mà phân phát.

Từ xa tới gần, một đồn mười, mười đồn trăm, dân chúng trong cả nước ai ai cũng nghe tin ấy, và ai ai cũng không quản lặn lội đường xa nhắm hướng kinh thành mà đi. Cho đến dân chúng trong những nước lân cận cũng nhập theo đoàn người đi nhận vật trợ tế. Những nước nhỏ nghèo đói thì cảm động trước từ bi đức độ của con, nên đua nhau đến xin quy phục.

Mỗi ngày, trước mặt cung thành, khung cảnh náo nhiệt như buổi họp chợ, trẻ già lớn bé dìu dáp liên tục tới lãnh của bố thí, họ tay ôm tay xách rất nhiều thứ, không ngừng hướng về vương cung lạy tạ, và cũng không ngừng tán thán nhân đức của nước con:

- Hồi quốc vương nhân từ! Ngài thương yêu bảo bọc chúng thần như cha mẹ, chúng thần nguyện sẽ mãi mãi ủng hộ ngài, để mãi mãi được che chở dưới chính thể nhân đức của ngài.

Qua một năm, con gặp lại Khuông Thượng, hỏi xem ông ta làm cái trống tới đâu rồi, ông đáp:

- *Tuân lệnh của bệ hạ, thần đã làm xong từ lâu rồi!*

- *Thế sao ta không nghe tiếng trống bao giờ cả?*

Con sửng sốt hỏi.

- *Kính thỉnh bệ hạ lên xa giá ra ngoài thành khảo sát, chắc chắn ngài sẽ nghe trống pháp của Phật vang xa. Không phải chỉ 100 dặm mà thôi, tới ngàn dặm cũng còn nghe được.*

Khuông Thượng cúi mình tâu lên.

Con bèn lên xa giá cùng thị vệ ra khỏi cung điện khảo sát. Thị trấn nào cũng sầm uất tập nập, nhân dân sống trong sung túc, người nào cũng có vẻ rờ ràng hạnh phúc, và ai ai cũng cảm tạ ân đức của con. Tự mắt mình chứng kiến điều đó làm cho con rất ngạc nhiên, hỏi Khuông Thượng rằng:

- *Nước chúng ta đông dân đến thế ư? Mà tại sao họ lại vui mừng đón tiếp ta một cách nồng hậu như thế?*

Khuông Thượng đáp:

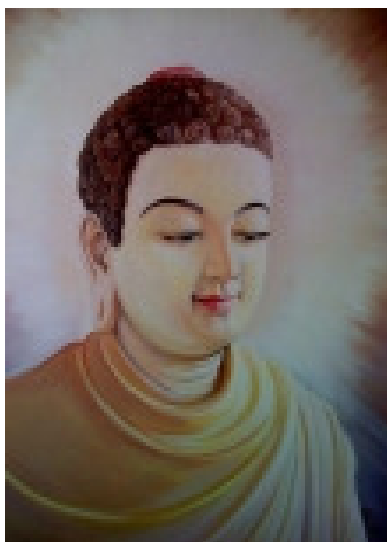
- *Năm ngoái thần tuân chỉ dụ của hoàng thượng đúc được cái trống to, với mục đích loan truyền rộng rãi trong quần chúng ý muốn từ bi hành đại bố thí của hoàng thượng. Nhưng thần tự nghĩ, làm sao một khúc gỗ khô cùng một tấm da thú có thể nói lên được đức độ của hoàng thượng? Hoàng thượng đã trao cho thần toàn quyền, thì thần tự làm theo ý mình, tức là đem của cải tài sản từ ngân khố quốc gia, tuyển người hiền đức tài năng đúng thời đúng chỗ mà đem phân phát trong tăng đoàn, thay mặt hoàng thượng cúng dường chư*

tăng không hề gián đoạn để duy trì chính pháp. Muốn cho quốc gia cường thịnh, nhân dân an lạc, thần nghĩ duy chỉ có một cách là làm cho Phật pháp vĩnh viễn lưu truyền trong nhân gian, lấy Phật pháp làm sáng đẹp nhân tâm thì thế gian tự nhiên biến thành tịnh độ. Một mặt lại đem tài vật ra bố thí cho người nghèo khó bản cùng trong nước, từ xa tới gần, cho đến cả những nước nhỏ lân cận nghe tin ấy cũng mau đến xin bố thí, họ cảm động trước nhân đức của hoàng thượng nên đồng đến xin quy phục. Có kẻ từ trăm dặm, từ ngàn dặm, mà cũng có kẻ đã từ vạn dặm đường xa mà đến. Hoàng thượng nay tự chứng kiến sự mừng vui của dân chúng, đã tự tai nghe họ tán tụng ngài, đó là vì thần đã áp dụng nguyên tắc của "trống pháp" mà đức trống cho hoàng thượng.

Đức Phật nghe thiên cung thái tử Bích La kể xong, hoan hỉ nói:

- Ông và ta giống nhau, lúc trước trên đường hành đạo, ta gặp ma nạn không ít mà gặp người hộ trì ta cũng nhiều. Ta có ân với người, người cũng có ân với ta, muốn được mọi sự như ý phải thi ân thật nhiều cho người khác!

Thái tử Bích La nghe thế cảm động không cùng, thì ra sinh nơi cõi trời rồi mà vẫn còn phải hành bố thí sâu rộng.



60- PHƯỚC ĐỨC CỦA HOÀNG HẬU

Đức Phật đã từng nói với chúng ta rằng người hành bố thí là người đang tạo cho mình một gia sản vững chắc. Công đức của bố thí không những thù thắng, mà còn là nơi nương tựa bảo đảm và an toàn nhất. Những người giàu có trên thế gian hiện tại chính là những người đã tạo nhân bố thí trong những kiếp trước, và họ đang hưởng phúc báo của công đức này. Và người hành bố thí thời nay là người đang chuẩn bị hưởng hạnh phúc trong tương lai.

Thời xưa ở Ấn Độ có một bà hoàng hậu, lòng tin Phật pháp rất thâm sâu và thành khẩn. Bà chỉ thích làm hai việc là bố thí và tạo công đức. Vì thế nhân dân trong vương quốc rất thương mến tôn kính bà, và ngay trong cung, bà cũng được tất cả mọi người suy tôn.

Một hôm, bà khoác vào người một bộ y phục lụa là tuyệt đẹp, trên đầu đội vương miện bằng trân châu để đi dạo trong vườn hoa với nhà vua. Nhà vua ngắm nhan sắc kiều diễm của hoàng hậu và nói:

- *Ái khanh của ta! Nàng nghĩ xem, nàng sửa soạn thật là xinh đẹp, phú quý mà nàng đang hưởng mà ít ai có được. Nhờ ta mà nàng mới có một cuộc sống vinh quang như thế, nàng thấy có đúng không? Ta là vua, nàng là hoàng hậu, ta ăn thì ăn ngon, mặc thì mặc đẹp, nhà ở thì rộng rãi, những niềm phúc lạc ấy nàng đều chia sẻ với ta, thế thì ái khanh ơi, nàng phải thương yêu ta lắm mới phải!*

- *Đại vương, thiếp phải luôn luôn thương yêu và cảm tạ đại vương. Nhưng phú quý thiếp được hưởng ngày hôm nay, không phải là nhờ đại vương ban cho mà là nhờ phúc báo sẵn có của thiếp. Giữa chúng ta chỉ có quan hệ vợ chồng, còn nói tới phúc báo của người này hay người kia, thì phải nói là nhờ nhân thiện do chính họ gieo trồng chứ không ai ảnh hưởng ai được!*

Những câu nói của hoàng hậu không làm cho vua bằng lòng chút nào nhưng ông không trả lời, chỉ hằm hằm quay trở về vương cung. Ông muốn chứng tỏ cho hoàng hậu phải thấy rằng những quan niệm của bà không đứng vững.

Khuya đêm hôm ấy, chờ hoàng hậu ngủ say rồi, ông lén cởi chiếc nhẫn quý giá mà hoàng hậu đang đeo trên tay rồi đem ném xuống sông. Vua làm điều này một cách bí mật, không có một người nào trông thấy. Hôm sau hoàng hậu tỉnh giấc, thấy chiếc nhẫn không cánh mà bay bèn hỏi vua:

- *Quân vương! Chàng có thấy chiếc nhẫn của thiếp không?*

- *Làm sao ta thấy được? Nhẫn nàng đang mang trên tay tại sao lại hỏi ta? Không lẽ một người sẵn có phúc đức như nàng mà cũng bị mất nhẫn ư?*

Nhà vua trả lời một cách châm biếm.

- *Vâng, nếu thiếp có phúc có phần và nếu chiếc nhẫn ấy thuộc về thiếp thì chắc chắn là nó không mất, ngược lại nếu thiếp không được sở hữu một vật nào đó mà cứ cưỡng ép để mà có thì cũng chỉ vô ích mà thôi.*

Thái độ của hoàng hậu rất thân nhiên và tự tại. Tuy đó chỉ là một chiếc nhẫn, nhưng trên chiếc nhẫn có gắn một viên bảo châu vô giá, thế mà chiếc nhẫn mất đi không làm cho hoàng hậu phiền não hay ưu tư chút nào. Nếu chuyện ấy xảy ra cho nhà vua, chắc là ông đã lo lắng ghê gớm lắm, vì thế ông mới lập ra mưu kế ấy để đánh đổ cái lý luận tự cho mình là phi phạm của hoàng hậu.

Lạ thay, ba ngày sau, cung nữ trong nhà bếp mổ bụng một con cá thì tìm ra chiếc nhẫn mà hoàng hậu đã mất mấy hôm nay. Vua nghe tin này ngạc nhiên cùng cực, lúc ấy ông mới tin tưởng chắc chắn rằng phúc đức là điều bất khả tư nghi.

Số là sau khi chiếc nhẫn bị vua ném xuống sông rồi, thì liền bị một con cá bơi ngang chỗ ấy dớp vào bụng mất. Mới nuốt xong chiếc nhẫn, nó rơi ngay vào lưới của một người đánh cá và người này đem mẻ cá mới lưới được bán cho triều đình. Mọi sự việc ăn khớp với nhau chặt chẽ, chỉ cái phước vô song của hoàng hậu mới khiến cho chiếc nhẫn đã mất mà tìm lại được.

Từ đó trong cách đối xử với hoàng hậu, vua không dám tỏ ra mình là người thi ân nữa, vì phúc của ai thì người đó hưởng vậy. Tội báo hay phúc báo đều như bóng theo hình.

Phúc báo là do bố thí, do cúng dường mà có. Làm người nên bố thí, nên cúng dường cho nhiều là vì lý do này.



61- QUẢ BÁO ÁC KHẨU

Hai bên bờ sông Thăng Huệ của thành Quảng Nghiêm là nơi sinh sống của rất nhiều dân chài lưới. Mỗi ngày họ đều đến sông Thăng Huệ đánh cá, đời sống trôi qua rất đầy đủ và thư thái.

Sông Thăng Huệ giáp ngay biển lớn, và trong lòng biển có đủ loại cá lớn nhỏ, con số vô tận, nhiều không sao tính đếm nổi. Số cá câu hay lưới được từ dòng sông này hầu như nuôi sống được nguyên cả thành Quảng Nghiêm.

Bình thường, trời vừa lờ mờ sáng là cứ hai, ba chục người đánh cá họp nhau thành một đoàn, đem lưới nhỏ lên thuyền ra khơi đánh cá.

Từ khi nhờ con sông này mà sinh sống, cho đến bây giờ, ngày nào họ cũng mang về những mẻ lưới phong phú, chưa lần nào trở về tay không.

Gặp những ngày hội, ngày lễ lớn cần phải cung cấp nhiều cá hơn, ngư dân bèn ôm lưới to và cứ sáu, bảy chục người lập thành đoàn cùng nhau ra khơi quăng lưới, lưới to thì đương nhiên bắt được nhiều cá hơn, thế mà trong những ngày lễ lược tung bưng ấy số cá mang về đều bị mua sạch không còn một con.

Có một hôm, cũng nhằm lễ lớn tại Quảng Nghiêm thành, người mua cá đặc biệt đông. Trời chưa sáng mà dân xóm chài bên bờ sông Thăng Huệ đã mang lưới to lưới nhỏ ra giữa lòng sông. Lưới nhỏ tương đối dễ giăng, nên chẳng mấy chốc đã vớt được không biết bao nhiêu là cá, rùa, ba ba v... . đủ loại, đổ lên bờ chồng chất như một hòn núi nhỏ.

Đúng lúc ấy có một con cá Ma Yết khổng lồ đang ngủ trong lòng biển rộng, lúc thủy triều dâng lên nó bị cuốn trôi vào sông Thăng Huệ. Có lẽ mệnh số đã định sẵn, nên chỉ một con sóng nước dội tới là nó đã nằm gọn trong lưới, khi giật mình tỉnh giấc, có vẫy vùng dẫy dựa mấy đi nữa cũng không thoát được mạng lưới trói buộc kia.

Con cá này rất to và sức nó rất mạnh, phải có rất nhiều người hợp lực để kéo lưới, thế mà đã không những không lôi được cá lên bờ mà còn bị cá kéo ngược lại ra biển.

Người trên thuyền đánh cá hô hoán lên cầu cứu. Khi ấy, có rất nhiều người đang đứng xung quanh núi cá trên bờ, đột nhiên nghe tiếng cầu cứu họ giật mình kinh hoàng, thấy đồng bạn đang gặp cảnh nguy khốn, không suy nghĩ gì nữa, tất cả đều ùn ùn nhảy xuống nước giúp kéo lưới một tay.

Phải có cái sức mạnh như trâu như cạp ấy họ mới kéo được con cá khổng lồ kia lên bãi cát. Để được như thế, tuy có rất nhiều người bị thương chảy máu, mạng lưới bị rách nhiều chỗ, nhưng cũng may không có người nào bị tổn hại đến sinh mệnh.

Chưa ai từng thấy hay nghe nói tới một con cá khổng lồ như thế, kể cả những người đánh cá lớn tuổi. Nhưng kỳ quái hơn nữa là trên đầu của con cá này có nhiều cái đầu nhỏ mọc lên, mà những cái đầu nhỏ này lại không giống nhau : có cái giống đầu chó, có cái giống đầu ngựa, đầu bò, đầu mèo, đầu lợn, đầu voi, quái đản lạ lùng khiến những người đứng nhìn đều phải trở mắt kinh ngạc.

Tin có một con cá lạ bị bắt lan truyền ra khắp cả thành Quảng Nghiêm, khiến có thêm vô số người hiếu kỳ chạy tới xem, ai nấy đều thấy đó là một việc chưa từng có.

Tâm từ bi của Đức Phật chỉ nghĩ đến việc lợi ích chúng sinh, không có thời khắc nào là không quan hoài đến sự khổ đau hay sung sướng của tất cả hữu tình. Lúc ấy Ngài cũng đang ngụ trong thành Quảng Nghiêm, biết là con Ma Yết Nư đang gặp nạn, do vì trong tiền kiếp nó đã từng gieo trồng thiện căn và cũng có nhân duyên với Phật nên Đức Phật cùng A Nan và các tỳ kheo đồng đến bên bờ sông Thắng Huệ.

Dân chúng từ mọi nơi kéo đến xem cá, thấy Đức Phật quang lâm, bèn vội đến đón rước Ngài và dọn ra một bên nhường đường cho Ngài đến gần con cá Ma Yết. Cá đang nằm trên bãi cát, giương hai con mắt vĩ đại lên nhìn Đức Phật, Ngài lân mẫn đưa bàn tay ra vỗ đầu nó và hỏi :

- *Người có phải là Kiếp Tỷ La không?*

Nghe Đức Phật hỏi như thế, kỳ lạ thay, con Ma Yết Nư biết trả lời rằng:

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con chính là Kiếp Tỷ La đây!*

Đức Phật tiếp tục hỏi:

- *Người biết ác nghiệp đã tạo trong quá khứ chăng? Ai là người xui giục người tạo tội để kiếp này phải chịu quả báo vậy?*

- *Con đã hiểu rằng quả báo khổ ngày hôm nay hoàn toàn do chính con tạo nên trong kiếp trước. Chỉ vì mẹ con không tốt nên đã khiến cho con tạo nghiệp.*

Con cá Ma Yết nói một cách đau khổ, hai giọt lệ lớn từ mắt nó lăn xuống.

Những người đứng xem xung quanh thấy như thế, vừa quái lạ vừa cảm động. Sau đó, họ nghe giọng từ bi của Đức Phật:

- *Bây giờ mẹ người đã bị đọa xuống địa ngục chịu khổ, còn người thì đầu thai làm cá trong đường súc sinh. Người có biết chết rồi người sẽ sinh về đâu không?*

- *Thế Tôn từ bi! Xin Ngài cứu con với, vì hết thân cá này rồi con sẽ đọa địa ngục.*

Nước mắt noè noẹt, cá Ma Yết nhìn Đức Phật khẩn khoản cầu cứu, hai con mắt to như hai hạt đậu như mong chờ bàn tay cứu độ của Đức Phật.

- *Bây giờ người sinh làm thân cá, không có cách nào cải đổi tình thế được. Ta chỉ còn cách là thuyết cho người nghe ba câu Pháp, người hãy cố ghi nhớ cho thật kỹ thì có thể siêu thăng: tất cả các hành đều vô thường, tất cả các pháp đều vô ngã và Niết Bàn là tịch tĩnh. Đó gọi là Tam Pháp Ấn.*

Nghe lời đối thoại giữa Đức Phật và cá Yết Ma như thế mọi người đều lấy làm lạ, làm sao mà con cá này có thể nói tiếng người? Lại còn có thể nhớ lại chuyện kiếp trước nữa?

Đức Phật là bậc đại Thánh nên biết rõ tâm ý của đại chúng, Ngài giảng cho họ nghe nhân duyên quá khứ:

Trong một kiếp xa xưa, thời Ca Diếp Như Lai còn tại thế, có một vị đại Bà La Môn, tên gọi là Kiếp Tỷ La Thiết Nạ Ông này học vấn uyên bác, biện tài siêu việt, mỗi lần ông tham dự đại hội biện luận nào là đều thắng tất cả mọi người, một mình chiếm ngôi thủ tọa.

Mỗi lần như thế các nước khác phái đến rất nhiều luận sư nhưng không ai qua được mặt ông, điều đó khiến nhà vua rất đẹp lòng và thưởng cho ông vô số châu báu.

Về sau, Kiếp Tỷ La Thiết Na lấy vợ sinh con, cũng đặt tên cho con trai là Kiếp Tỷ La. Cậu bé này sinh ra rất xinh xắn, kháu khỉnh. Lớn lên, nhờ cha dạy dỗ nên cậu cũng có học vấn uyên thâm, biện tài cao cường, so với cha có phần tinh nhuệ hơn, thông minh hơn. Vì thế, cha cậu đem 500 vị đồ đệ của mình giao cho cậu dạy dỗ, còn ông thì chu du các nơi, và thân cận với đệ tử của Phật. Cuối cùng, tuổi già lâm bệnh ông bèn quay về nhà, lúc gần tạ thế ông gọi con đến dặn dò:

- Cha đã biết rằng học vấn và biện tài của con có thể thắng tất cả mọi người, nhưng ta muốn nói với con rằng, tuyệt đối không được biện luận với đệ tử của Đức Phật, vì cái học của các vị ấy là chân lý siêu việt thế gian. Nếu con biện luận với họ chắc chắn sẽ nắm phần thất bại trong tay.

Không bao lâu sau, Kiếp Tỷ La Thiết Na qua đời. Khi có một vị luận sư chết đi thì tất cả các nước khác đều chú ý, họ nghĩ rằng nước ấy không còn luận sư giỏi nữa, nên tới tấp kéo nhau đến. Nhà vua cũng lo sợ điều ấy, nên đăng bảng chiêu tài, và kết quả là Kiếp Tỷ La trúng tuyển. Đại hội biện luận ngày hôm ấy, Kiếp Tỷ La ngồi trên đài cao, quốc vương, đại thần cùng với các học sĩ trong nước ai cũng đến xem nghe, khỏi cần nói, Kiếp Tỷ La biện luận thắng mọi người. Với trí thông minh và biện tài của cậu, những người khác làm sao đối lại được! Từ đó danh tiếng của Kiếp Tỷ La lừng lẫy, nhà vua đẹp dạ ban cho cậu chức Luận chủ. Tuy cậu là một vị Luận chủ được tất cả mọi người ngưỡng mộ, song mẹ cậu vẫn chưa thấy thế là đủ, nên một hôm bà bảo con rằng:

- Con à, tuy con là Luận chủ, nhưng con có thật sự thắng hết được tất cả mọi người trên thế giới này không?

- Trừ các vị đệ tử của Phật ra, con quyết chắc có thể biện luận thắng bất cứ luận sư nào.

Mẹ cậu nghe thế không đồng ý, nói rằng:

- *Tại sao con không biện luận với mấy ông tỳ kheo? Nếu con luận không thắng họ, thì địa vị luận chủ của con khó có thể vững chắc.*

- *Không! Lúc cha hấp hối có dặn con rằng tuyệt đối không được biện luận với đệ tử của Phật, bằng không chắc chắn sẽ nắm phần thất bại.*

Kiếp Tỷ La nhớ rất rõ lời trăng trối của cha, cậu rất tôn trọng điều cha dặn dò nên chưa hề có ý muốn biện luận với các tỳ kheo, nhưng mẹ cậu giận dữ nói:

- *Đừng nhắc tới cha con, ông ấy đã bị Phật mê hoặc nên mới nói thế, không lẽ con cũng muốn làm nô lệ của Phật nữa sao?*

Kiếp Tỷ La vốn là một đứa con có hiếu, không dám làm trái ý mẹ, nên mới đến chỗ cư ngụ của Như Lai muốn thử biện luận với các tỳ kheo chút xem sao, nhưng cậu cũng rất lo sợ vì chẳng biết chút gì về Phật pháp.

Tới vườn Lộc dã, Kiếp Tỷ La không dám liều lĩnh làm càn, cậu nghĩ trước hết nên thám thính, đợi thu thập chút ít hiểu biết về Phật lý, rồi sau đó hẳn biện luận với các tỳ kheo. Trên đường đi cậu gặp một vị xuất gia, bèn hỏi rằng:

- *Kính thưa đại đức, ở đây quý vị có bao nhiêu người hết thầy? Ai là thầy chỉ đạo của quý vị? Đạo lý mà các vị nghiên cứu đó nói về điều gì?*

- *Ở đây chúng tôi ước chừng có hơn 2 vạn người, thầy chúng tôi là bậc đại giác Ca Diếp Như Lai, và chúng tôi nghiên cứu tam tạng kinh điển là tạng kinh, tạng luật và tạng luận.*

Nghe thế Kiếp Tỷ La mừng rỡ, hỏi thêm:

- *Mỗi tạng có bao nhiêu bài tụng?*

- *Mỗi tạng có mười vạn bài tụng.*

Vị xuất gia nói tới đây, hỏi ngược lại rằng:

- Tôi thấy ông là người có học vấn, bây giờ tôi có vài câu kệ, xin ông giải thích cho tôi.

Kiếp Tỷ La đồng ý, vị xuất gia bèn đọc kệ rằng:

- Hà chỉ lưu đương chỉ? Hà chỉ đạo ung hành? Thế gian khổ lạc sự, hà xư đương cùng tận? (Dòng lưu chuyển cái gì chặn lại thì nên ngừng? Con đường đạo, cái gì chặn lại nhưng vẫn cứ phải đi? Những chuyện vui buồn trên thế gian, chỗ nào là chỗ chấm dứt?)

Tuy là một vị Luận chủ học vấn uyên bác, nhưng Kiếp Tỷ La không cách nào giải thích những câu kệ trên, cuối cùng chính vị xuất gia phải giải thích cho cậu nghe. Nghe chân lý ấy xong, như bắt được kho tàng, Kiếp Tỷ La từ biệt vị xuất gia và muốn đem chút hiểu biết mới có được đi biện luận với các vị xuất gia khác. Nhưng những hiểu biết của cậu quá nhỏ nòi, cuối cùng làm sao thắng các vị xuất gia cho được!

Kiếp Tỷ La thẹn quá hóa hùng, chửi rửa lung tung, dùng lời vô lý để thoá mạ các vị tỷ kheo, rồi còn hủy báng cả Đức Phật nữa.

Vì thế nên chết rồi cậu bị đọa. làm thân cá và mang cái hình thù quái đản hôm nay. Không nên tạo khẩu nghiệp, nếu không quả báo sẽ theo sát bên chân!



62- QUẢ BÁO CỦA SỰ KEO KIỆT

Ở miền Nam Ấn Độ cách Vương Xá Thành không xa, có một khu rừng trúc u nhã, yên tĩnh tên là Ca Lan Đà, trúc trong ấy vừa cao vừa rậm rạp. Trong khu rừng trúc ấy có một tinh xá cao to tráng lệ, do vua Tần Bà Sa La xây cúng dường Đức Phật, đó chính là Trúc Lâm tinh xá. Đây là nơi mà Đức Phật cùng rất đông đệ tử của Ngài cư ngụ, cũng là nơi mà Đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho rất nhiều người nghe.

Hai vị đệ tử thượng thủ của Ngài, ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên, lần nào trước khi dùng cơm cũng vận dụng thần thông "từ bi" (thần thông này do lực từ bi mà có) để quan sát các chúng sinh đang chịu khổ trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, xem có cơ duyên nào cứu độ họ được hay không, rồi mới dùng cơm.

Có một lần tôn giả Mục Kiền Liên quan sát thế giới ngạ quỷ, thấy có một ngạ quỷ rất đáng thương. Thân nó giống như cây cột cháy, bụng thì to như gò núi, hễ đưa bất cứ thứ gì lên miệng thì thứ ấy lập tức biến thành những cây kim bằng sắt. Đã thế mà còn thường thường khạc ra lửa khói, tự đốt cháy mặt mày, tóc tai thì cứng như dao kiếm, suốt ngày khóc lóc kêu than, đói khát muốn chết thế mà một giọt nước cũng không nuốt được, vì hễ đem nước lên tới miệng thì nước liền biến thành máu. Thấy tình cảnh ngạ quỷ thống khổ như thế, Mục Kiền Liên mới tiến đến trước mặt nó hỏi:

- Người đã tạo nên nghiệp tội gì mà bây giờ phải chịu khổ như thế này?

- Bạch tôn giả, hễ chỗ nào có mặt trời chiếu thì không cần thắp ngọn đèn dầu leo lét. Trí huệ Đức Phật như kính sáng, có thể chiếu rọi chúng sinh trong mười phương. Bất kỳ người nào tạo nghiệp tội trong quá khứ, hiện tại và vị lai cũng được kính trí huệ của Ngài soi rõ, không thiếu sót mảy may nào. Tôi đã tạo tội ác gì, ngài có thể thỉnh hỏi Đức Phật thì rõ. Bây giờ tôi quá đói khát, không trả lời cho ngài được, xin ngài thứ lỗi.

Ngạ quỷ nói với ngài Mục Kiền Liên như thế xong, lại tiếp tục rên rỉ kêu than. Tôn giả Mục Kiền Liên liền đi tìm Đức Phật báo kiến. Lúc ấy Đức Phật đang thuyết giáo nghĩa cứu cánh cho các tỳ kheo, thấy đáng điều tội vâng của ngài Mục Kiền Liên liền hỏi:

- Mục Kiên Liên, ông có việc gì mà cuống quýt lên như thế?

- Vâng, bạch Thế Tôn! Con có một điều không giải quyết được, nên phải tới đây thỉnh Thế Tôn khai thị.

Đức Phật từ bi trả lời:

- Có chuyện gì ông cứ nói.

- Vừa rồi con quan sát trong địa ngục có một ngạ quỷ thân thể bị cháy sém, cổ họng như lỗ kim, bụng to như cái thùng, không ăn được bất cứ món gì, không ngừng đi lòng kiếm thức ăn nhưng cứ hễ đưa thức ăn lên miệng thì thức ăn biến thành kim sắt. Ngạ quỷ này đã làm nên tội gì mà phải thọ một quả báo như vậy, cúi xin Thế Tôn thuyết giải cho chúng con rõ.

Trước khi Mục Kiên Liên bắt đầu kể, Đức Phật đã biết rõ chuyện gì đã xảy ra nên mới thuận theo cơ duyên này mà nói với các đệ tử trong pháp hội:

- Các ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho các ông rõ.

Cách đây rất lâu trong thành Xá Vệ, có một người rất giàu có, làm nghề ép mía lấy nước ngọt bán, công việc làm ăn thịnh vượng, trong nhà tập nập công nhân thợ thuyền. Lúc ấy có một vị Bích Chi Phật, vì muốn hóa độ tất cả chúng sinh nên thị hiện chứng bệnh hay khát nước. Có một người khuyên ngài nên uống nước mía ép, vì thế ngài bèn đến nhà ông nhà giàu nọ xin nước mía uống.

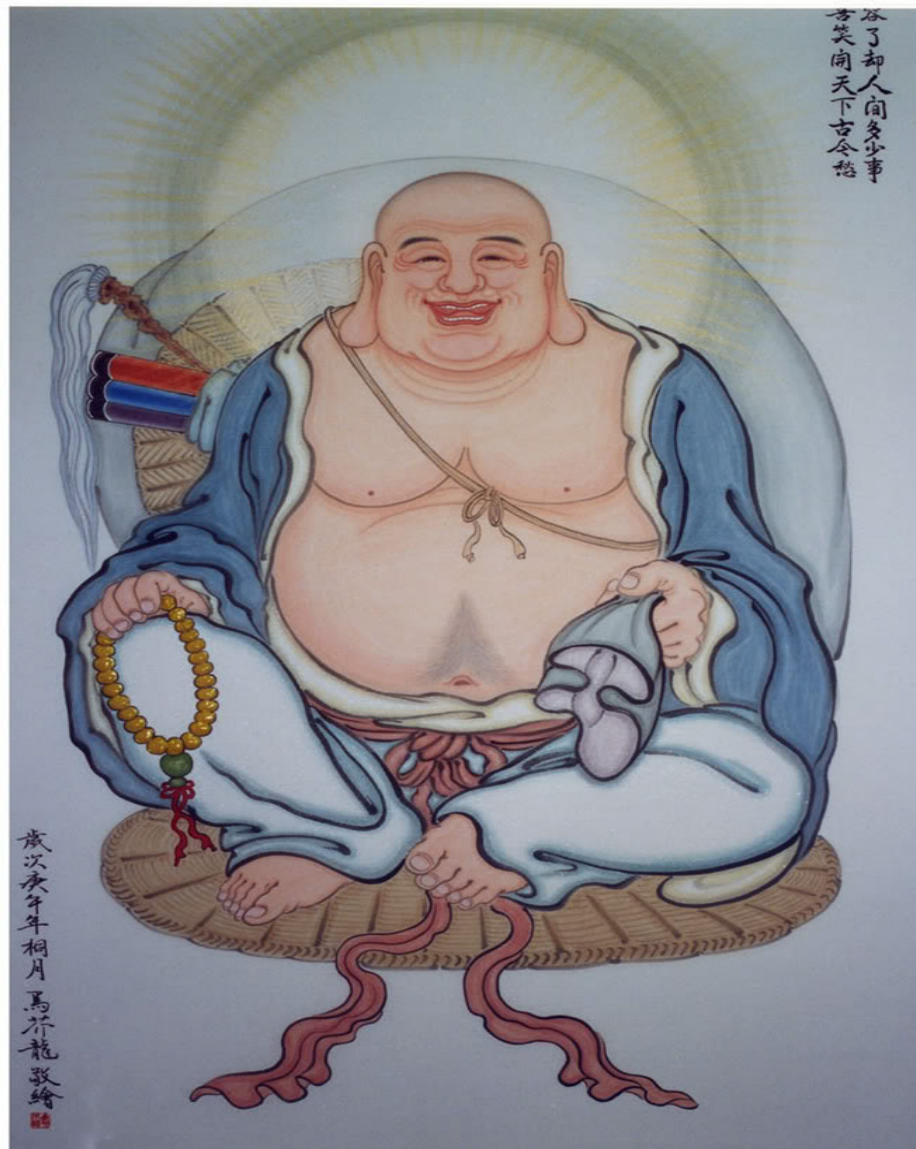
Người này thấy có Bích Chi Phật đến, sinh lòng cung kính, hoan hỉ cúng dường nước mía cho ngài. Nhưng ông có việc gấp phải đi ra ngoài, không thể tự tay cúng dường, bèn giao việc này cho bà vợ và căn dặn rằng: "Bà hãy thay tôi đem nước mía lên cúng dường Bích Chi Phật". Bà vợ trả lời: "Vâng, tôi đem lên liền". Ông nhà giàu đi rồi, bà vợ bèn nghĩ "Nước mía rất quý, từ trước đến nay nhà ta chưa bao giờ đem cho ai uống không. Nếu hôm nay cho ông này uống, sau này sẽ có nhiều người đến xin nữa".

Tâm keo kiệt phát khởi, bà lên thi hành độc kế bằng cách lấy một cái bát bằng sắt, đổ nước dơ uế vào rồi mới đổ một chút nước mía lên trên, xong bưng lên đưa cho Bích Chi

Phật uống. Vị Bích Chi Phật đón lấy cái bát, biết ngay việc làm tội lỗi của người đàn bà, nên đổ những món bần thiêu trong bát xuống đất, lấy nước rửa bát sạch sẽ rồi bỏ đi.

Không lâu sau ấy mệnh sống người của đàn bà keo kiệt chấm dứt, đọa xuống làm ngựa quỳ, thường bị đói khát và bị lửa nghiệp đốt thân. Nghiệp khổ này còn phải kéo dài đến 90 ngàn năm nữa mới hết.

Đức Phật thuyết xong nhân duyên của người đàn bà keo kiệt bị đọa xuống làm ngựa quỳ, khiến tứ chúng trong pháp hội đều bỏ tính keo kiệt tham lam, ghê sợ chuyện sinh tử, ai cũng chứng được quả thánh, hoan hỉ tán thán rồi lui đi.



63- QUỶ MẸ

Lúc Đức Phật thuyết pháp ở nước Đại Đâu thì ở trong nước ấy có một người đàn bà sinh được rất nhiều con, và rất thương yêu con của mình nhưng lại thích bắt cóc con người khác về ăn thịt.

Những người làm cha mẹ ở nước Đại Đâu rất lo sợ, sợ con mình bị bắt cóc mất.

Các vị tỳ kheo đi từ ngoài đường về đem chuyện này kể cho Đức Phật nghe, Ngài biết ngay đây không phải là một người đàn bà tâm thường. Ngài biết trong nước này có một con quỷ rất thích bắt cóc con người ta ăn thịt, và không thể dùng một vài câu nói mà cảm hóa nó được.

Đức Phật bảo một vị tỳ kheo, thừa lúc quỷ mẹ vắng nhà, bắt đứa con út mà nó thương yêu nhất, tên là Tần Già La đưa về tinh xá.

Vì thế, khi quỷ mẹ về tới nhà không thấy đứa con út bé bỏng của mình, đau khổ bỏ ăn bỏ uống khóc lóc không ngừng, chỉ trong mấy ngày thôi mà tướng chừng như muốn hóa điên lên được.

Một hôm, Đức Phật cố ý tìm cơ hội đến gặp nó, hỏi rằng:

- Ngươi có việc gì mà khóc lóc thảm thương như thế?

Quỷ mẹ nhìn thấy đức Phật, tạm ngừng khóc một lúc, quệt nước mắt mà trả lời:

- Tại vì lúc con đi vắng nhà, không biết ai lên vào bắt cóc mất đứa con dễ thương nhất của con đi rồi!

- Ngươi không ở nhà giữ con, để cho người khác lên vào bắt cóc mất, vậy chứ lúc đó ngươi đi đâu? Ngươi đi ra ngoài để làm gì?

Khi Đức Phật đặt câu hỏi như thế, quý mẹ giật mình, vì lúc con của nó bị người ta bắt mất cũng chính là lúc nó lên vào nhà người khác bắt cóc con người ta, đó là một quả báo đương nhiên phải xảy ra vậy.

Quý mẹ nói điều ấy cho Đức Phật nghe xong, lúc đó nó mới thấy mình tàn nhẫn và sai lầm, trong tâm sinh khởi một niệm hối hận, tức khắc nó liền gieo năm vốc xuống đất đánh lễ Đức Phật. Đức Phật lại hỏi :

- *Người có thương con của người không?*

- *Tần Già La là đứa nhỏ mà con thương yêu nhất, một khắc cũng không rời nó ra. Con không thể nào sống mà không có nó, không có nó, con chỉ có nước chết mất mà thôi!*

Đức Phật bèn nắm lấy cơ hội đó để khai thị cho nó:

- Người thương con của mình ra sao, thì người khác cũng thương con của họ như vậy. Người đau khổ vì mất con, mà lại đi bắt cóc con người ta để ăn thịt, thì người ta cũng đau khổ không khác gì người. Bây giờ người có muốn tìm thấy con của người không?

- *Nếu có ai tìm được Tần Già La về cho con, thì bảo con làm gì con cũng làm cả!*

Đức Phật biết là quý mẹ đã chuyển tâm hối hận rồi mới nói:

- *Ta có thể giúp người tìm ra con của người lại, nhưng người có thật sự ăn năn tội ác của người lúc trước, tức là tội đi bắt cóc con của người khác về ăn thịt không*

- *Con rất ăn năn! Thế Tôn, xin Ngài từ bi chỉ giáo cho con, Ngài dạy con làm chi con sẽ làm y như vậy!*

Đức Phật nói:

- *Từ nay trở đi, thứ nhất người không được sát sinh, thứ hai không được trộm cắp, thứ ba không được tà dâm, thứ tư không được vọng ngữ, thứ năm không được ăn uống loạn xạ, mà còn phải lấy tình thương trời sinh của một người mẹ hiền mà lo lắng cho con của thiên hạ.*

- Không cho con ăn thịt trẻ con thì từ giờ về sau con ăn cái gì được?

Quý mẹ hỏi.

- Ta sẽ bảo đệ tử của ta, mỗi lần được người ta cúng dường thì sẽ trích ra một phần thức ăn bố thí cho người dùng trước.

Quý mẹ vô cùng vui mừng, nhận lãnh lời giáo huấn của Đức Phật một cách thành khẩn.

Đức Phật đem đưa con Tần Già La trả lại cho nó, nó mừng đến mức không có ngôn ngữ chữ nghĩa nào có thể diễn tả nổi, bèn phát nguyện là từ đây trở đi, sẽ hộ trì cho tất cả các đứa trẻ con của người khác.

Thời nay, khi ăn cơm, người xuất gia hay trích ra trước một phần thức ăn, chính để bố thí cho quý mẹ là do sự tích này vậy.



64- RẪN TRẢ ƠN

Lúc Đức Phật Thích Ca còn ở Nhân Địa tu Bồ Tát đạo, Ngài đã từng sinh ra làm một vị đại phú ông rất giàu có. Cây gỗ trong rừng và mỏ khoáng trong núi thuộc sở hữu của ông dùng suốt đời cũng không hết, còn nói về tiền bạc thì phải đếm lên tới cả ngàn vạn ức kim tiền, tha hồ sử dụng chi tiêu. Ông là người từ bi, hỷ xả, thường thường bỏ ra cả ngàn lượng, cả vạn lượng vàng đem bố thí mà không chút tiếc nuối. Ông cũng hay lảng vảng trong chốn chợ búa, chờ thấy con thú vật đáng thương nào sắp gặp nạn, sắp bị giết làm thịt thì vội vàng chạy tới mua về phóng sinh. Phóng sinh là tâm nguyện duy nhất của ông phú hộ nhân từ này, nên được người đời đặt tên là Thiện nhân.

Có một hôm, vị phú ông nhân từ ấy thấy ngoài chợ có một con rùa rất lớn, đang mở to hai mắt chăm chú nhìn ông. Con rùa có vẻ thống khổ vô hạn, nước mắt trào ra, như thể đang cầu xin ông cứu giúp.

Thấy thế ông rất buồn, vội vàng tiến đến xin mua con rùa. Người bán rùa, dĩ nhiên là muốn bán con rùa đi nhưng khi thấy Thiện nhân đến hỏi giá tiền, thì cố ý làm khó dễ, trả lời là không muốn bán. Thiện nhân từ bi tha thiết muốn cứu mạng con rùa nên nài nỉ xin mua. Người bán rùa nói:

- Nếu ông nhất định muốn mua thì phải trả cho tôi một vạn đồng tôi mới chịu bán, bằng không thì tôi đem nó về giết làm thuốc uống!

Thiện nhân không chút do dự, đưa ra một vạn đồng mua rùa mang về.

Người bán rùa lòng dạ đen tối ấy tuy có một vạn đồng bỏ túi nhưng nhà bị ăn trộm, rồi lâm bệnh nặng, sau đó còn bị cháy nhà khiến cho một vạn đồng tiền bị thiêu rụi, cuối cùng xơ xác lại hoàn xơ xác.

Thiện nhân mang con rùa lớn về nhà, đem những món ăn ngon lành nhất cho ăn, rồi thấy miệng rùa có vết thương, vội lấy thuốc bôi cho nó. Không lâu sau, vết thương trên

miệng rùa đã lành, ông cho xe chở rùa ra bờ biển thả xuống nước, trả tự do cho nó về với trời đất.

Cách đó không lâu sau, vị phú ông từ bi đang ngồi tham thiền thì bỗng nhiên có tiếng gõ lạch cạch ở cửa sau. Ông đến mở cửa xem, thì ra đó là con rùa được ông cứu lúc trước. Con rùa mở miệng ra nói với ông rằng:

- Ân nhân, không lâu nữa ngôi thành này sẽ gặp nạn lớn. Dân chúng ở thành này nghiệp tội rất nặng, bây giờ nghiệp đã đến thời phải trả, không thể nào tránh khỏi tai họa. Chỉ có hai nhà là không nằm trong số người phải trả báo, một là nhà của ngài, hai là nhà của vua. Ngày đó tháng đó, nguyên ngôi thành này sẽ chìm lỉm dưới nước sau một trận lụt vĩ đại. Xin ân nhân cùng vua sớm chuẩn bị mướn người đóng tàu, hẹn nhau khi thấy nước lớn vừa dâng lên thì mau lên tàu, thuận theo dòng nước mà đi, tự nhiên sẽ tìm được nơi nương náu.

Con rùa lớn nói xong quay đầu đi mất. Thiện nhân rất ngạc nhiên, nhưng được một con rùa biết nói báo nguy trước, không thể không tin. Hôm sau ông bí mật báo cho vua biết chuyện đêm qua, họ cấp tốc chuẩn bị mọi sự. Đúng y như rằng, không bao lâu sau, nạn lụt xảy ra trong thành. Khi một con nước lũ vừa ập đến là con rùa kia cũng xuất hiện, thôi thúc họ lên tàu mà đi. Con rùa bơi đằng trước, bảo họ rằng:

- Xin đi theo tôi, đừng để lạc mất phương hướng!

Khi con tàu đang lướt trên dòng nước lũ, bỗng phía sau có một con rắn lớn bơi đến, ngóc đầu lên nhìn, dáng vẻ như xin được cứu mạng. Thiện nhân từ bi bèn ra lệnh ngừng tàu lại vớt con rắn lên. Con rùa phía trước nói:

- Ân nhân! con rắn này có duyên với ngài, sau này ngài sẽ hiểu.

Cách đó không xa, ông lại cứu một con cáo, và lại được rùa khen ngợi. Rồi đến phiên một người đang vùng vẫy trong dòng nước lớn, la hét kêu cứu, Thiện nhân từ bi cũng muốn cứu y nhưng con rùa ngăn lại nói rằng:

- Đây là một người có tâm địa xấu xa, tốt nhất là đừng cứu y. Nếu hôm nay cứu y, sau này y sẽ hại ân nhân.

Thiện nhân trả lời:

- Bất cứ người nào chúng ta cũng phải cứu. Nếu chúng ta ích kỷ mà không cứu là phản bội lời chư Phật dạy, là phải xem tất cả bình đẳng như nhau. Dầu sau này có xảy ra chuyện gì đi nữa, ta cũng phải cứu người này.

Rồi không màng tới lời ngăn cản của rùa, ông vớt người nọ ra khỏi nước cứu cho khỏi chết chìm.

Đi một hồi nữa thì con rùa lớn lại mở miệng ra nói:

- Trời quang mây tạnh rồi, thiên tai đã qua rồi. Tôi xin tạm thời cáo biệt.

Nói xong nó bỏ đi ngay. Rắn và cáo cũng từ giã mà đi.

Đoàn người lên đênh trên mặt nước một thời gian thì khám phá một hòn đảo nhỏ. Họ lên bờ, thấy hòn đảo này có rất nhiều tài nguyên, chỉ tiếc là không có bao nhiêu dân cư trú. Họ quyết định lưu lại trên đảo ở tạm.

Có một hôm, con cáo xuất hiện một cách bất ngờ, nói với thiện nhân rằng:

- Ân nhân! Ngài đã cứu tôi thoát nạn, hôm nay tôi xin báo đáp ơn cứu mạng to lớn ấy. Vừa rồi tôi mới khám phá ra một kho tàng trong một cái huyệt giữa núi. Kho tàng này không nằm trong mộ phần của ai cũng không phải do tôi cướp giật, tức là của trời cho tôi. Nay tôi muốn đem kho tàng này dâng tặng cho ân nhân để báo đáp ơn sâu, xin ân nhân vui lòng nhận.

Thiện nhân nghĩ rằng nếu không nhận và nếu chẳng may kho tàng này rơi vào tay một kẻ bất lương thì không phải là đáng tiếc lắm sao? Chi bằng ta vui lòng nhận, rồi đem bố thí cho người nghèo, và giúp đỡ tất cả những chúng sinh khốn cùng. Nghĩ như thế rồi, ông bằng lòng nhận kho tàng của con cáo dâng tặng.

Khi ông đi lấy kho tàng về, thì cái người được ông cứu khỏi chết chìm lúc trước, không những không nghĩ tới chuyện đền ơn cứu mạng mà còn dùng lời dọa nạt và thủ đoạn

bất thiện nhân phải chia cho mình phân nửa kho tàng. Thiện nhân cho hắn mười cân vàng nhưng con người tâm địa đen tối ấy từ chối không nhận, dọa rằng:

- Nếu ông không chia cho tôi phân nửa, tôi sẽ tố cáo ông đã quật mồ cướp của.

Thiện nhân đáp:

- Thiên tai vừa qua chắc chắn đã làm cho rất nhiều người bị tán gia bại sản, tôi muốn đem số vàng này cứu giúp cho họ. Nếu ông lấy đi, hắn không phải để làm điều tốt, tức là phản bội lương tâm, cho nên tôi không cho ông toại nguyện tà ý đó.

Người kia ôm mối hận, bí mật tố cáo với quan vu không thiện nhân đã quật mồ cướp của. Vì thế thiện nhân tốt bụng bị bắt, nhưng lòng không chút oán hận kẻ xấu xa đã vu khống mình, chỉ thấy rằng mình đã tạo nghiệp tội trong kiếp trước nên kiếp này mới bị quả báo xấu như thế này.

Ông không hề oán hận, chỉ cầu nguyện sao cho tất cả chúng sinh sớm thoát tai nạn, đừng kết oán với người khác để đừng bị giam trong tù ngục như mình hôm nay.

Vua rắn và vua cáo là những con vật có tánh linh, chúng bèn họp nhau bàn bạc làm cách nào để cứu ân nhân đã bị giam trong ngục tù một cách oan uổng. Vua rắn nói với vua cáo rằng:

- Tôi có một cách này, nhất định cứu được ân nhân thoát nạn.

Nói xong vua rắn bèn cáo biệt vua cáo mà đi. Vua rắn một mình bò lên núi tìm cỏ thuốc, đây là một loại thuốc có một không hai, có thể giải độc và xoa dịu mọi đau đớn trong chớp nhoáng. Vua rắn ngậm cỏ thuốc trong miệng bò vào ngục, nói với thiện nhân rằng:

- Đây là một loại cỏ thuốc có năng lực giải độc. Chốc nữa thái tử sẽ bị bệnh, không có thầy có thuốc nào có thể cứu được, chỉ có loại thuốc này mới có thể cứu thái tử thoát hiểm. Lúc đó ân nhân hãy nói với tên cai ngục là mình có thuốc thần trừ độc, chắc chắn hắn sẽ loan tin ấy ra, và như thế ngày ân nhân ra khỏi tù sẽ không còn lâu nữa!

Vua rần từ giã thiện nhân rồi, lén bò vào vương cung cắn chân thái tử một cái. Tức thời chất độc lan đi rất nhanh, tất cả thầy thuốc danh y đều bó tay chịu thua, nhìn thái tử chờ chết. Ông vua già chỉ có một đứa con trai duy nhất ấy thôi nên tâm can còn nóng nảy hơn đoàn kiến trong chảo nóng. Ông ra lệnh cho các đại thần dán băng yết thị khắp nơi, cấp tốc kiếm một vị thần y. Nếu có ai cứu được thái tử khỏi bệnh thì sẽ được phong làm thủ tướng, còn nếu ai làm môi giới đưa thần y đến thì sẽ được thưởng một vạn lượng vàng.

Đúng như rần chúa tiên đoán, tên cai ngục biết tin này bèn báo cho thiện nhân trong tù biết. Thiện nhân nói:

- Tôi có thuốc thần trong người.

Vua nghe tên cai ngục báo tin, vội thiện nhân vào cung bôi thuốc cho thái tử. Thuốc vừa bôi xong, thái tử lập tức hết đau và vết sưng cũng xẹp xuống ngay, nên được bình an thoát hiểm. Vua thấy chân thái tử lành lặn, vui mừng không kể xiết, bèn hỏi nguyên do tại sao thiện nhân bị vào tù. Khi biết thiện nhân bị tù oan, vua tự trách rằng:

- Ta là vua thất đức, và quan quân đại thần cũng thiếu sáng suốt nên để cho kẻ ác lừa bịp và cho người hiền bị phỉ báng!

Vua ra lệnh bắt con người vong ân bội nghĩa kia về chịu khổ hình, phong thiện nhân làm thủ tướng, và đại xá tất cả tội nhân khiến cho mọi ngục tù đều trống không trong khoảnh khắc.

Thiện nhân hiểu biết Phật pháp một cách thâm sâu, nên vua cung kính thỉnh ông khai thị. Thiện nhân bèn tuyên thuyết giáo nghĩa cứu khổ của Đức Phật cho vua nghe khiến vua được tỉnh ngộ, quy y Tam Bảo, tôn kính duy trì giới luật thanh tịnh, phát tâm từ bi rộng lớn, mở các kho vựa của quốc gia cứu giúp người nghèo khổ, chỉnh đốn việc giáo dục, xây cất viện dưỡng lão và viện mồ côi, thương xót tất cả hữu tình. Về sau, đất nước này trở nên hòa bình an lạc, được từ quang của Đức Phật chiếu rạng khắp nơi.

65- SA DI NGỘ ĐẠO

Thời Phật Ca Diếp có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, xướng tán rất hay Khi cùng ở chung một chỗ với các vị tỳ kheo khác, thầy hay lộ vẻ kiêu ngạo, tự phụ giọng của mình trong và thanh và thấy mình phi thường, nổi bật.

Có một vị tỳ kheo lớn tuổi, giọng lại khàn đục, không giỏi tán xướng, cũng ở chung với đại chúng. Khi vị tỳ kheo trẻ nghe âm thanh tán xướng của vị tỳ kheo già, thầy bèn cười ngạo rằng giọng ấy không khác gì tiếng chó tru Vị tỳ kheo già vốn là một vị thánh đã chứng quả A La Hán, hỏi vị tỳ kheo trẻ kia rằng:

- Thầy có biết tôi không?

- Tôi biết thầy từ lâu rồi, thầy là vị tỳ kheo thượng thủ của Ca Diếp Như Lai.

Vị tỳ kheo già nói:

- Tuy không biết xướng tán nhưng tôi đã thoát được sự trói trề của sinh tử, và không còn bất cứ khổ não nào của thế gian.

Vị tỳ kheo trẻ nghe thế thì hết sức hoảng sợ, cảm thấy hổ thẹn vô cùng, bèn xin sám hối với vị tỳ kheo già. Nhưng tính tội đã thành lập rồi, nên trong 500 kiếp, thầy đã phải chịu khổ báo sinh ra làm người câm. Tuy nhiên nhờ cái nhân thiện là đã từng xuất gia, về sau lúc Đức Thích Ca Mâu Ni xuất thế thì thầy mới được giải thoát. Nhân duyên thầy được độ diễn ra như sau :

Có 500 nhà buôn muốn đi du lịch xa, bèn kết bạn với nhau để cùng đi. Trong số đó có một người dắt theo một con chó cho nó canh chừng ban đêm. Đi được nửa đường, các nhà buôn ngủ nghỉ trong lữ điếm, con chó thấy chủ nhân ngủ say, bèn lén lấy trộm một miếng thịt ăn. Nhưng nhà buôn ấy thức dậy thấy được, nổi giận lôi đình, thế là chân đá tay đấm, lửa sân ngàn ngạt, ông đánh con chó gãy cả bốn chân, vứt nó trong một cánh đồng hoang rồi bỏ đi nơi khác.

Lúc ấy Xá Lợi Phất dùng thiên nhãn thông thấy hết, thấy con chó đau đớn không cùng, gần chết đói chết khát, bèn đem cơm mà ngài đã khát thực được bố thí cho nó ăn.

Con chó giữ được chút tàn hơi, sung sướng vô ngần. Xá Lợi Phát thuyết diệu pháp cho chó nghe, và con chó nghe pháp xong liền tắt thở, rồi tái sinh trong nhà Bà La Môn ở Xá Vệ Thành.

Một hôm, Xá Lợi Phát đi khát thực một mình, Bà La Môn trông thấy liền hỏi:

- Tôn giả đi có một mình, sao không có sa di đi theo hầu?

Xá Lợi Phát trả lời :

- Tôi không có sa di, nghe ông mới có một đứa con trai, có thể cho nó làm sa di đi theo tôi không ?

Bà La Môn trả lời:

- Con trai tôi tên là Quân Đề, hãy còn nhỏ lắm, chưa biết làm việc. Chờ nó lớn lên một chút, tôi sẽ cho nó đi theo tôn giả.

Xá Lợi Phát đồng ý.

Quân Đề được bảy tuổi, Xá Lợi Phát bèn đến nhà Bà La Môn xin mang chú về. Bà La Môn bèn ra lệnh cho Quân Đề đi theo Xá Lợi Phát xuất gia làm sa di.

Xá Lợi Phát đưa Quân Đề về Kỳ Viên tinh xá, thuyết pháp cho chú nghe, và Quân Đề lãnh hội được hết. Tuy Quân Đề chỉ là một đứa bé bảy tuổi nhưng chú đã có thể thọ nhận thánh pháp một cách mau lẹ. Chú sa di Quân Đề chính là con chó trong kiếp trước, đã được Xá Lợi Phát cho ăn cơm và thuyết pháp cho nghe. Nhờ có thiện căn ấy nên chú đã nguyện làm sa di thị giả của Xá Lợi Phát để báo ơn ngài.

Người ta nói trẻ con mà vào đạo là vì đã có thiện căn rất lớn. Trên con đường tu đạo, tuổi tác không phải là một vấn đề. Sa di hay tỳ kheo cũng không phải là một vấn đề, thậm chí xuất gia hay tại gia cũng không thành vấn đề nữa. Thọ nhận thánh giáo, giác ngộ chứng quả thì ở bất kỳ tuổi nào, già lão hay thơ ấu, sa di hay tỳ kheo cũng đều có thể làm được.

Chuyện chú sa di Quân Đề được khai ngộ lúc tuổi còn thơ là một thí dụ cụ thể.

66- SÁT SINH CÚNG TẾ NGƯỜI CHẾT

Ngày xưa, để cúng tế người thân quá cố, người ta hay giết rất nhiều dê, cừu v.v.. gọi là "vật tế người chết". Chư tỳ kheo thấy ai cũng làm như thế bèn hỏi Đức Phật:

- *Thế Tôn! Thiên hạ giết rất nhiều thú vật để cúng tế người chết. Làm như thế thì có công đức nào?*

- *Này chư tỳ kheo, sát sinh để cúng tế người chết không hề có một công đức nào hết. Từ xưa đã có người hiến ngôi trong hư không mà thuyết pháp, nói tới các tội chướng của việc sát sinh, khiến cho người trong cõi Diêm Phù đã bãi bỏ việc sát sinh để cúng tế. Thế mà chuyện quá khứ nay lại xuất hiện nữa rồi!*

Đức Phật nói xong, tiếp tục kể chuyện xưa:

- *Trong quá khứ, ở nước Ba La Nại có một vị giáo sư Bà La Môn danh tiếng, tinh thông ba tạng Vệ Đà, muốn cúng tế người chết nên đi bắt một con dê và dặn dò mấy đứa học trò rằng:*

- *Đem con dê này ra bờ sông tắm rửa, đeo hoa lên cổ cho nó, mua 5 đồng tiền thức ăn cho nó ăn, sửa soạn cho nó xong rồi dẫn nó về.*

Mấy đứa học trò tuân lệnh đem dê ra bờ sông tắm rửa, và sửa soạn cho nó ngay tại đây. Con dê thấy được nghiệp kiếp trước của mình, biết rằng hôm nay đã đến ngày mình thoát khỏi mọi khổ đau, mừng vui cười lớn, phát ra những âm thanh như tiếng bình vỡ. Nhưng nghĩ tới ông Bà La Môn kia sắp đem mình ra giết và sẽ phải chịu quả báo đau khổ, bất giác sinh tâm thương xót cho ông ta, bèn lớn tiếng oà lên khóc. Bọn trẻ con học trò của Bà La Môn hỏi:

- *Dê này, khi thì mi cười lớn, khi thì mi lại khóc to, tại sao vậy?*

- *Xin dắt tôi về gặp thầy của các người rồi hãy hỏi lại tôi câu ấy.*

Bọn trẻ bèn dắt dê về, đem mọi sự kể lại cho thầy nghe. Bà La Môn nghe kể xong hỏi dê:

- Tại sao mi cười rồi lại khóc?

Dê moi trong ký ức để hồi tưởng lại túc nghiệp của mình, đáp lời Bà La Môn rằng:

- Bà La Môn, ngày xưa tôi cũng là một vị Bà La Môn, đọc tụng tinh thông quyển kinh "Ma Nô Pháp điển" như ông vậy. Vì muốn tế người chết nên tôi giết dê đem cúng, và trong 499 đời, tôi đã phải chịu quả khổ chết đứt đầu. Bây giờ là kiếp cuối cùng thứ 500, hôm nay tôi sẽ thoát hết mọi đau khổ, vì thế tôi mới vui mừng mà cười tọ. Tôi lại khóc ngay sau đó, là vì tôi giết một con dê mà 500 đời phải bị cái nạn đầu lìa khỏi cổ, tuy hôm nay tôi sẽ thoát tai ách đó rồi, nhưng nghĩ tới ông, Bà La Môn, ông giết tôi rồi lại sẽ chịu cái khổ chết đứt đầu trong 500 đời như tôi, tôi xót thương ông mà khóc.

- Dê ơi đừng sợ, ta sẽ không giết mi đâu.

- Bà La Môn, ông nói gì thế? Ông giết hay không giết tôi, hôm nay tôi cũng không thể thoát chết được.

- Dê đừng sợ, ta sẽ bảo vệ mi, sẽ đi cùng đường với mi.

- Bà La Môn! Sức bảo vệ của ông rất yếu, mà tội ác của tôi đã tạo lại rất lớn!

Bà La Môn đem dê đi thả, và ra lệnh không ai được giết nó, rồi sai bọn học trò cùng đi chung đường với dê. Dê được tự do, chạy vào khu rừng cây rậm ở dưới một mỏm đá cao, vươn cổ lên gặm lá cây mà ăn. Đúng ngay sát na ấy, trên đỉnh mỏm đá bỗng vang lên một tiếng sấm, một góc của tảng đá bị nẻ ra, rơi trúng ngay cổ con dê đang vươn lên lúc ấy, thế là dê bị đứt đầu mà chết. Có rất nhiều người bèn chạy đến tập trung xung quanh.

Lúc ấy ta là thần cây của chỗ ấy, thấy mọi người như thế bèn dùng thần lực ngòi ngay ngắn giữa hư không. Để cho những chúng sinh ấy biết quả báo của ác nghiệp mà không sát sinh nữa, ta thuyết pháp để cảnh giác họ cái khổ ghê rợn dưới địa ngục. Mọi người nghe pháp ấy, quá kinh sợ bị đọa địa ngục, từ đó ngưng bắt việc sát sinh. Ta cũng dạy mọi người

thọ trì giới hạnh, và ai cũng nghe lời ta dạy, tích tụ những việc thiện như bố thí v.v... nên cuối cùng ai cũng được sinh lên cõi trời.

Sát sinh để cúng tế không hề có phúc báo mà còn là một việc tội lỗi, những người thích sát sinh cúng tế hãy mau hồi tỉnh.

Những người thích sát sinh tế tự, nếu nghe được những lời này của Đức Phật thì hay biết bao!



67- TÂM ĐỘC ĐỊA

Trong xã hội xưa hay nay, nước ta có một tập tục rất xấu, đó là khi hai vợ chồng cưới nhau được vài năm, nếu người vợ chưa sinh sản được thì người chồng đi lấy vợ bé, khiến cho hoà khí trong gia đình vì thế mà tan nát.

Thời xưa có một người, cưới vợ được mấy năm rồi, hai vợ chồng thèm khát một đứa con mà chờ mãi không có, người chồng nóng ruột quá nên cuối cùng đi cưới một cô vợ lẽ. Với sự thỏa thuận của bà vợ lớn, cô vợ bé được về ở chung trong cùng một nhà. Không lâu sau cô này sinh hạ được một đứa con trai trắng trẻo và nụ cười, khiến người chồng hết sức vui mừng. Từ đó ông lại càng cưng quý cô vợ bé và thằng con trai, mà không ngó ngàng gì đến bà vợ lớn.

Ngay từ phút đầu, bà vợ lớn đã coi cô vợ bé như cái gai trước mắt, hướng chi bây giờ thấy chồng cưng quý mẹ con cô này hơn trước, dĩ nhiên bà nổi cơn ghen tức nhưng trước quyền uy của ông chồng bà không làm gì được, chỉ có thể thừa lúc người chồng vắng nhà mới hơi tỏ lộ ra chút ghen hờn, giận tức đối với người vợ bé. Tuy nhiên những cơ hội ấy rất hiếm, cho nên lòng oán hận của bà càng lúc càng chồng chất nhiều thêm.

Một hôm, đứa bé vừa đúng hai tuổi, bà vợ lớn thừa lúc cô vợ nhỏ vắng mặt, mới rút một cây trâm vàng cài trên tóc cắm sâu vào đầu đứa bé. Bà làm chuyện này một cách âm thầm bí mật, không có ai hay biết. Dù đứa bé khóc mãi không ngừng nhưng không ai nghe thấy, cho nên đứa bé trắng trẻo nụ cười kia, chỉ sau một đêm lên cơn sốt thật nặng, yếu mệnh mà chết.

Thấy đứa con mình mang nặng đẻ đau lại kháu khỉnh dễ thương đến dường ấy bỗng nhiên một hôm ngã lăn xuống chết, người mẹ nào mà không đau đớn? Cô vợ bé bị tai nạn giáng xuống đầu một cách tình hình như thế khóc thương bi thảm, thằng con chết cả tháng rồi mà cô vẫn còn gào khóc thảm thiết, tâm can tan nát cho đến ngã bệnh. Người chồng thấy con mình chết yếu dĩ nhiên là thương tiếc vô cùng, nhưng ông bình tĩnh hơn, nghĩ rằng người đã chết thì nào có sống lại được, khóc lóc chẳng ích lợi gì cả. Tuy nhiên có rất

nhiều người bà con láng giềng nói rằng một đứa bé chết thành linh như thế chắc chắn là phải có nguyên do, họ bèn khuyên cô vợ bé mở quan tài để khám nghiệm tử thi Quả nhiên mọi người đoán không sai, lúc khám nghiệm mới thấy trong đầu của đứa bé có cắm một cây trâm vàng dài cả ba tấc!

Cô vợ bé thấy con mình chết vì bị sát hại thì lại càng đau khổ nhiều hơn, cô vừa bi thương vừa căm phẫn, thề rằng sẽ báo thù cho con, nếu không thì cô sẽ chết không nhắm mắt. Cô tìm một vị bà la môn để thỉnh giáo, hỏi xem phải làm thế nào để báo thù, vị này mới bảo nếu cô trì được trai giới thì sẽ được mãn nguyện. Lòng thương con của cô càng tha thiết thì ý nguyện báo thù càng thâm sâu, cô bèn trì trai giới rất tinh cần. Không lâu sau, cô vợ bé này vì quá sâu muộn nên lìa bỏ cõi đời.

Cũng đúng lúc ấy bà vợ lớn thụ thai nên vui mừng không kể xiết. Cây gai trước mắt đã nhổ được rồi, chính mình lại đang có thai nên có thể được chồng yêu chiều hơn, niềm vui của bà không cùng tận!

Không lâu sau bà sinh hạ được một đứa con gái xinh đẹp như hoa như ngọc, cả nhà cung quý đứa bé như châu báu, nhưng bất hạnh thay, đứa bé vừa được hai tuổi thì lìa đời. Thật là một tai biến không ai có thể ngờ được, bà vợ lớn khóc đến chết đi sống lại, nhưng người đã chết rồi, biết làm sao đây? Một thời gian sau bà lại sinh được một đứa con trai, nhưng nuôi chưa đến ba tuổi đã chết yểu. Cứ như thế, bà sinh được sáu đứa con nhưng chỉ nuôi được đến bảy tuổi là tối đạ Con cung mà lại chết yểu, làm cha mẹ ai lại không đau đớn? Ròng rã mười năm trời như thế, người vợ lớn sinh được đứa nào là đứa con ấy chết yểu nên đau khổ triền miên, thân thể tiêu tụy, bà tuyệt vọng tự giam mình suốt ngày trong nhà không muốn tiếp xúc với người ngoài.

Một hôm, bỗng nhiên có một vị tỳ kheo đến tìm bà. Ban đầu bà từ chối không chịu ra gặp, về sau vị tỳ kheo mới bảo là có chuyện quan trọng muốn nói với bà, bà mới chịu ra. Khi vị tỳ kheo nhìn thấy bà, ông liền hỏi ngay:

- Bà có nhớ cô vợ bé đã chết rồi không? Cô ấy làm sao mà chết? Rồi đứa con mới lên hai của cô ấy, cũng tại sao mà chết vậy?

Câu hỏi đặt ra quá bất ngờ khiến bà vợ lớn hoảng sợ, toàn thân run lẩy bẩy, không trả lời được câu nào. Bà xấu hổ và đau đớn kể lại mọi sự cho vị tỳ kheo nghe, và cầu khẩn ông cứu khổ cho bà. Vị tỳ kheo nói cho bà biết rằng sáu đứa con chết yểu của bà chính là oan hồn cô vợ bé đầu thai về cố ý làm cho bà khổ đau. Nếu bây giờ bà muốn giải trừ mối oan gia đó, bà phải đến chùa làm công quả để tiêu tai.

Ngày hôm sau, bà vợ lớn tuân theo lời dạy của vị tỳ kheo, trời vừa tảng sáng là bà thức dậy sửa soạn đến chùa, nhưng trên đường đi, bà thấy một con rắn độc đang há miệng thật lớn, phăng phăng trườn đến gần bà khiến bà sợ quá ngã xuống bất tỉnh. May thay, vị tỳ kheo nói trên cũng vừa đến nơi, nói với con rắn độc:

- Này rắn độc! Ngươi chưa thấy mãn nguyện sao? Ngươi nghĩ lại xem, bà ấy chỉ hại ngươi có một lần mà ngươi báo thù tới sáu lần, như thế chưa đủ rồi hay sao? Bây giờ bà ấy đã biết hối hận, lại còn muốn lên chùa làm công đức hồi hướng cho ngươi, ngươi cũng hãy nên hóa giải mối oan kết ấy đi. Ngươi không nghe nói "oán cừu nên cởi không nên kết" hay sao? Nếu hôm nay ngươi muốn giết bà ấy thì chẳng có ích lợi gì cho ngươi mà chỉ có hại. Bây giờ vì tương lai của chính ngươi, ngươi cũng nên bỏ qua hết đi! Không lẽ ngươi muốn đời đời kiếp kiếp sinh làm súc sinh hay đọa địa ngục hay sao?

Câu nói của vị tỳ kheo khiến con rắn độc có vẻ như hiểu ra, nó cúi đầu rồi từ từ trườn đi mất.

Bà vợ lớn tỉnh dậy không thấy con rắn độc nữa, vị tỳ kheo mới đem chuyện vừa qua kể cho bà nghe. Do đó bà vợ lớn cảm thấy chuyện mình làm lúc trước quá ư tội lỗi, bà bèn xin xuất gia tu hành với vị tỳ kheo. Những năm cuối của cuộc đời, bà sống trong rừng sâu núi thẳm để sám hối nghiệp chướng mà mình đã tạo trong quá khứ.

Hại người là tự hại lấy chính mình, làm sao không cẩn thận chuyện nhân quả cho được?



68- TÂM HAM DANH

Tâm của một con người ngu si bị động niệm là vì ngã tham và ngã chấp. Một người như thế rất trọng vọng danh lợi và có thể hy sinh tất cả cho nó, ngay đến cả thân mệnh nữa, mục đích là để có được một thứ danh dự hư huyễn không thật.

Ở Ấn Độ thời xưa có một người đàn bà thuộc dòng Bà La Môn tên là Đề Vi Gia đình bà xưa nay vốn giàu có, nô tỳ nuôi trong nhà cũng có đến cả trăm người. Nhưng từ khi chồng bà qua đời thì mức sống dần dần sụt xuống.

Thật không phải dễ dàng cho một goá phụ khi phải ứng phó với mọi chi phí trong nhà, nào quần áo ăn uống, rồi tiền nuôi gia nhân nào ăn nào mặc, ngày này qua ngày khác, năm này sang năm khác. Vì thế Đề Vi vô cùng buồn khổ vì cái họa nghèo khó luôn luôn đe dọa.

Thật ra, để giảm bớt ngân quỹ, bà có thể giải tán một phần gia nhân đông đảo và giữ lại một số ít người để làm việc trong nhà, nhưng Đề Vi cho rằng danh dự là điều quan trọng nhất, thể diện là cần thiết nhất, vì thế bà không chịu giải quyết vấn đề bằng cách ấy. Nhưng còn cách nào khác nữa đâu? Bà nghĩ thà chết chứ không để mất mặt, nhưng nếu đã chọn cái chết thì cũng phải chọn chết thế nào cho có ý nghĩa.

Lúc ấy ở Ấn Độ có một trường phái ngoại đạo cho rằng muốn được sung sướng thì phải trả giá bằng sự đau khổ, kiếp này càng đau khổ thì kiếp sau càng được hưởng niềm sung sướng khoái lạc. Đề Vi nghe được tà kiến này là mù quáng tin tưởng theo ngay Bà nghĩ rằng không có cái đau đớn nào cho thân thể con người bằng cái đau của sự chết cháy, nên bà quyết định tự thiêu. Làm như thế, thứ nhất, bà đánh đổi cái đau đớn ấy để lấy một kiếp sau sung sướng, thứ hai, một khi chết rồi là bà không cần phải đối phó với chuyện kiếm tiền chi phí trong nhà, và thứ ba, chết để cầu đạo là một cái chết rất vinh dự, thể diện của bà sẽ giữ được vẹn toàn.

Đề Vi tính toán như thế, tuy bà rất kín đáo không nói cho ai hay, nhưng đệ tử của Đức Phật là Biện Tài tôn giả lại đoán biết tất cả những gì bà nghĩ trong đầu, nên ngài đích thân đến nhà bà để giáo hóa. Tôn giả nói với Đề Vi rằng:

- Vì bà không đảm nhiệm nổi mọi chi phí trong nhà nên mới muốn thiêu thân để tìm cái chết, có phải như vậy không? Nhưng làm như thế bà cũng không thoát được trách nhiệm, trái lại càng làm cho nghiệp chướng tăng trưởng. Ác nghiệp của kiếp trước chưa trả xong mà đã chết đi, thì kiếp sau cũng sẽ phải trả một lần nữa.

Đồng thời tự đốt cháy thân cũng là tạo tội. Bà phải biết tự thiêu là một hành động tự sát, và tự sát là có tội. Các tội nhân trong địa ngục A Tỳ đêm ngày bị đốt cháy, suốt một ngày trời chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần, cứ thế mà bị thiêu đốt mấy chục ngàn năm mới có thể trừ tội. Còn bà bây giờ chỉ tự đốt có một lần mà mong trừ tội thì làm sao được?

Đề Vi nghe tôn giả nói như thế thấy rất có lý, chợt như người đang ngủ mê chợt bừng tỉnh, tính hỏi tôn giả một câu, thì dường như tôn giả đọc được điều bà đang nghĩ, ngài nói tiếp:

- Bà muốn diệt tội cũng không phải là chuyện khó. Tất cả mọi việc thiện ác đều do tâm mà sinh khởi, nếu tâm của bà cất chứa những niệm ác thì cũng giống như ánh sáng của mặt trăng bị mây đen che mờ, không thể chiếu ra ngoài được. Chỉ có cách là nhất tâm làm việc thiện, không cất giữ niệm ác nào trong tâm, lúc ấy chẳng khác nào một cơn gió mát thổi bạt mây đen đi, mặt trăng sẽ lập tức phóng ra ánh sáng viên mãn. Làm như thế không những có thể diệt trừ tội chướng, mà kiếp sau cũng sẽ được lợi ích lớn!

Đề Vi nghe xong rất vui mừng, liền triệu tập tất cả quyến thuộc nô tỳ trong nhà, thỉnh giáo tôn giả:

- Tôn giả, được ngài khai thị giáo hóa, chúng con rất cảm kích. Kính xin tôn giả dạy cho chúng con làm cách nào để giải thoát và diệt tội.

Biện Tài tôn giả lại nói:

- Nếu muốn diệt tội, thì trước hết phải tìm căn nguyên của tội lỗi. Phần đông các tội ác đều do thân khẩu ý tạo ra, vì thế, bây giờ bà phải tu thập thiện...

Tôn giả liền giảng cho Đề Vi và đại chúng nghe ý nghĩa của thập thiện, và dạy cho họ phải làm sao để sám hối nghiệp chướng của những kiếp trước, làm sao để tạo nghiệp thiện, làm sao phát tâm từ bi.

Đề Vi nhận lãnh sự chỉ giáo của tôn giả một cách vui mừng. Từ ngày hôm đó về sau, đời đời kiếp kiếp bà phụng hành Phật giáo, phát nguyện cứu chúng sinh ra khỏi khổ đau, vì vậy bà chúng đắc được quả thánh.



69- THÂN CÓ HAY KHÔNG?

Ngày xưa, có một vị thương gia tên gọi là Vương lão lão, người béo mập, to lớn mạnh khoẻ, ăn thì thích ăn ngon, ở thì thích nhà cao cửa rộng, không có thứ gì là không ham muốn. Vì để hưởng thụ tiền tài, sắc đẹp và đồ ăn thức uống, nên ông đặc biệt quý trọng thân thể của mình, chỉ sợ mỗi một điều là mạng sống không lâu dài.

Có một hôm trên đường về nhà sau một chuyến buôn xa, ngược mắt nhìn trời thì thấy mặt trời đã lặn, màn đêm đã bao phủ từ bao giờ. Ông vội vàng tìm một căn nhà nghỉ trọ, nhưng ngoài núi rừng hoang dã, xung quanh không hề có bóng dáng nhà cửa dân cư nào. Trong lúc đang bồn chồn lo lắng, thì xa xa phía trước thấy thấp thoáng có một ngôi miếu bỏ hoang, ông mừng rỡ chạy tới trú đêm trong ấy.

Trong ngôi miếu hoang phế, ông tìm một góc phòng và nằm ngay xuống đất mà ngủ. Ông suy nghĩ lung tung, tư tưởng càng lúc càng mơ hồ. Trong khoảng mộng lung ấy, ông bỗng nhìn thấy một con quỷ đầu to, tóc tai bù xù, mày rậm, mắt lồi, mặt đen, trên lưng cũng một cái xác chết gầy gò, ném xác chết trước mặt ông đánh "rầm" một tiếng. Ông sợ quá, muốn chạy trốn mà không có đường trốn. Tiếp theo, ông lại thấy một con quỷ khác, miệng hoác, tai to, mũi nhọn, răng vầu, lưỡi dài cũng chạy tới, giậm dữ toác miệng ra mắng con quỷ đầu to:

- *Cái xác chết này là của ta, tại sao mi lại đem nó tới đây?*

- *Nó là của ta, dĩ nhiên ta muốn đem nó đi đâu thì đem!*

- *Đồ ăn nói quàng xiêng, nó thuộc về ta!*

Con quỷ miệng hoác nói xong liền kéo một tay một chân của thầy ma lên, tính vác đem đi.

- *Chờ một chút, có người làm chứng, mi có thể hỏi tiên sinh đây!*

Con quý đầu to vừa nói vừa chỉ thương gia Vương lão lão, và đồng thời cũng nắm giữ lại một tay một chân của tử thi.

Hai con quý tranh qua đành lại, tranh hoài không phân thắng bại, con quý miệng hoác bèn nhìn Vương lão lão hắt hàm hỏi:

- *Sự thật cái tử thi này là của ai?*

Wương lão lão thẳm nghĩ rằng hai con quý này sức mạnh vô song, được lòng đũa này thì tất nhiên sẽ mất lòng đũa kia, bây giờ có nói thật hay nói dối cũng không thoát chết, thôi thì nói thật rồi chết còn hơn nói dối, ông bèn trả lời:

- *Tôi thấy chính là vị tiên sinh đầu to đem cái tử thi này tới đây.*

- *Nói bậy, mi là đồ nói bậy!*

Con quý miệng hoác hét lên, trừng hai con mắt lên nhìn, không nghe lời biện bạch nào nữa mà hùng hổ kéo một cánh tay của Vương lão lão giật mạnh một cái đứt đoạn, rồi vút xuống đất. Con quý đầu to vội vàng giật một cánh tay của tử thi ra, rồi cắm vào người của Vương lão lão. Cứ thế mà trao qua đổi lại, một con quý thì kéo ra từ đầu này, một con kia thì lấy từ đầu kia đổi lại, hai tay, hai chân, rồi từ đầu xuống chân cho đến toàn thân của Vương lão lão đã đổi với toàn thân của tử thi Hai con quý thấy cái thân mới mập mập tươi tốt bèn thi nhau ăn, không còn tranh nhau cái thân người gầy gò kia nữa. Thật đáng thương cho Vương lão lão, bị hai con nọ quý dùng làm thức ăn điếm tâm. Ăn no nê rồi, chúng quệt mồm chùi mép, vắn mình chuyển người một lúc rồi hoan hỉ kéo nhau đi. May sao, chân tâm của Vương lão lão không hề bị mất đi, bôn tính cũng chưa mê muội, ông suy nghĩ:

- *Thân thể do cha mẹ sinh ra, thế mà hồi nãy trơ mắt ra nhìn hai con quý đói ăn sạch rồi! Bây giờ da thịt trên thân ta là da thịt của người khác, từ mập ta trở thành ốm, mà thật sự ta có thân không? Hay là không có thân?*

Ông suy nghĩ mãi về vấn đề này, nhưng nghĩ không ra. Bỗng nhiên có một tiếng động mạnh làm cho ông sợ hãi giật nảy mình. Ông trở mắt nhìn quanh, gian phòng trống không, thì ra ông vừa trải qua một cơn ác mộng.

Ngày hôm sau, Vương lão lão tìm đến một ngôi chùa, kể lại giấc mộng của mình cho một vị tỳ kheo nghe, và nêu lên vấn đề thân của mình có hay là không có? Vị tỳ kheo dạy rằng:

- *Chư pháp do nhân duyên mà sinh, chư pháp cũng do nhân duyên mà diệt, đời người vô thường, xét đến cùng là vì như thế. Từ vô thủy đến giờ, thật sự không có ngã.*

- *Thầy thuyết pháp cao siêu quá, tôi nghe mà không hiểu hết.*

- *Được rồi, ta sẽ nói một cách cụ thể hơn một chút cho ông nghe. Sắc thân của chúng ta là do tứ đại hòa hợp lại, là một cái bao da hôi thối. Một ngày nào đó bốn nhân duyên lớn là đất, nước, lửa, gió không hòa hợp nữa, cái thân thể mà ta chấp là "tôi" đó, cũng sẽ tiêu tan.*

- *Như cái thân của tôi do cha mẹ sinh ra, tứ chi và năm căn vẹn toàn, có thể đi, có thể ăn, có thể nói chuyện này, không phải là thân của tôi hay sao?*

Wang lao lao hỏi, có vẻ như không hiểu.

- *Trong giấc mộng vừa rồi của ông, cái thân của ông và cái thân của xác chết có cái gì khác biệt với nhau?*

- *Khác biệt chứ sao lại không, cái thân của tôi sau khi đã bị trao đổi, đã thành da thịt của người khác.*

- *Thế thì, lúc ấy cái mà ông gọi là "tôi" đó đã đi đâu rồi?*

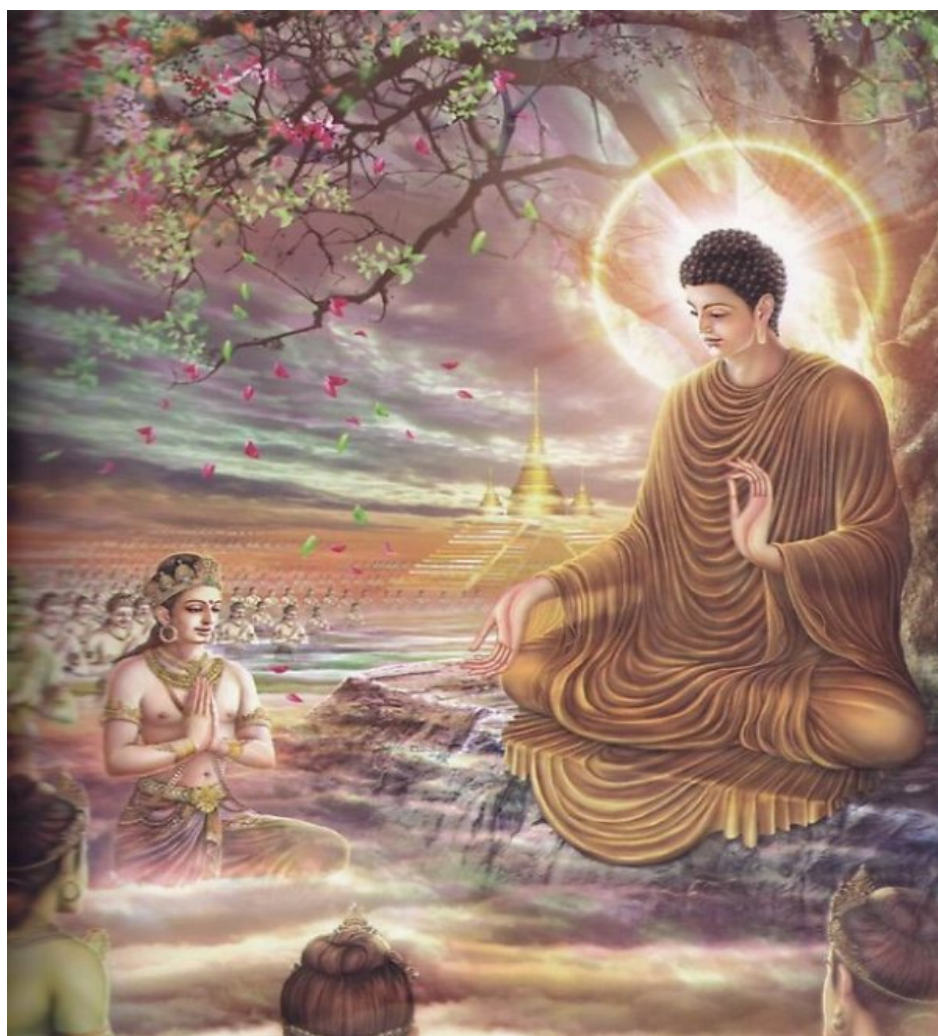
Wang lao lao không có lời lẽ nào để trả lời câu hỏi này. Ngừng một lúc, vị tỳ kheo lại nói:

- *Chính điều đó làm cho chuyện đại sự sinh tử không rõ ràng.*

Vị tỳ kheo lại ngừng, để cho Vương lão lão suy nghĩ một lúc, sau đó từ tốn khai thị cho ông:

- Cái thân còn sống của ông và cái xác thân đã chết nọ, đều là cái tôi giả tạo, nếu hiểu rõ ràng thì sẽ thấy là không có hai, không có khác. Ông có thể chỉ cái thân còn sống của ông, sau khi đã trao đổi với cái thân của xác chết kia, mà nói rằng "đây là cái tôi thật", đó cũng là bỏ lại diện mục của ông vậy.

Vương lão lão nghe xong, như chột đại ngộ, liền phát tâm xuất gia tu hành, tinh tiến giữ giới, lìa bỏ ngũ dục, đoạn trừ phiền não của thế gian và chứng quả A La Hán.



70- THÂN LÀ GỐC KHỔ

Một hôm, tại chỗ Đức Phật đang giáo hóa, có bốn vị tỳ kheo sơ phát tâm mới xuất gia tu hành, nhân lúc nhàn hạ ngồi nói chuyện dưới một gốc cây lớn, cùng nhau bàn cãi nghiên cứu xem cái gì là cái đau khổ, cái hoạn nạn lớn nhất của con người.

Một trong bốn vị phát biểu ý kiến:

- Theo tôi, cái khổ to lớn nhất, ghê gớm nhất của con người không gì bằng sự đam mê sắc dục. Thí dụ nếu không đoạn trừ được tâm dâm dục thì không cách nào vào đạo!

Một người khác nói lên cảm tưởng của mình:

- Cái khổ lớn nhất là cái khổ thiếu ăn! Một khi gặp cơn đói khát, con người không làm được gì cả!

Lại có người nói:

- Theo tôi, lòng sân hận mới là cái hoạn nạn đáng sợ nhất của con người! "Nhất niệm sân tâm khởi, bát vạn chương môn khai" (một niệm tâm sân nổi lên là 80 000 cánh cửa chương ngại được mở ra) mà! Sân hận cũng là nguyên nhân khiến người ta phải chịu vô lượng tội phạt!

Người cuối cùng nói:

- Theo tôi cái sợ hãi mới là cái khổ lớn nhất của con người! Sống trong sợ hãi giây phút nào là giây phút đó không có chút an ổn!

Bốn người hăng say bàn cãi, thì cũng vừa đúng lúc ấy Đức Phật đi ngang. Vì họ chưa tìm ra một kết luận thỏa đáng nào cho cuộc thảo luận của họ, Đức Phật mới hỏi họ đang thảo luận về vấn đề gì. Bốn người lần lượt trình bày ý kiến của mình xong, Ngài mới sửa cho họ rằng:

- Là người tu hành mà có thể cùng nhau tụ họp để kiểm thảo cái nhìn của mình đối với vấn đề tu học là một điều rất đáng mừng. Nhưng nghe lý luận các ông vừa mới thứ tự trình bày đó, tuy ai nói cũng có lý nhưng cái lý ấy chưa được rớt ráo. Nay ta nói cho các ông nghe rằng, cái khổ não hoạn nạn lớn nhất của con người là có cái thân ngũ uẩn giả hợp này. Thân là căn bản cho tất cả mọi ưu khổ được tạo thành. Vì vậy chúng ta hay gọi thân là "khổ khí". Đói khát, lạnh nóng, phiền não, sợ hãi, những tai họa do sắc dục gây ra, tất cả là do thân thể cảm thọ. Lao tâm cực trí, lo sợ trăm mối, và chúng sinh tàn hại lẫn nhau, cho đến sự trầm luân trong sáu nẻo, không ngừng lăn lộn trong sinh tử, cũng đều do có thân mà ra cả. Muốn thoát ra khỏi cái khổ của thế gian này, thì phải tìm cầu sự tịch diệt tức là cái thoát khổ chân chính. Nhiếp được tâm tham dục, dập tắt được ngọn lửa sân hận, đối với ngoại cảnh hư huyền thì dùng thái độ không mong cầu mà đối phó, thì cứ thế lần lần, sự tịch diệt sẽ tự nhiên hiện ra trước mắt.

Bốn vị tỳ kheo nghe Đức Phật khai thị dạy bảo xong, phát tâm tâm quý, tinh tiến dũng mãnh gia công tu hành, và chứng được thánh quả rất mau chóng.

